

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3889/QĐ-TĐHYKPNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II
và Bác sĩ nội trú năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học năm 2012 và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018;

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I Sau Đại học;

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II Sau Đại học;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04 tháng 7 năm 2006 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo Bác sĩ Nội trú;

Căn cứ công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 12 tháng 2 năm 2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn Tuyển sinh và Đào tạo Chuyên khoa 1, Chuyên khoa 2, Bác sĩ Nội trú năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐT-TĐHYKPNT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Kế hoạch số 1149/KH-TĐHYKPNT ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về Tuyển sinh Sau đại học năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2076/QĐ-TĐHYKPNT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc kiện toàn Hội đồng tuyển sinh Sau đại học năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1847/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phân công phụ trách lãnh đạo, quản lý, điều hành hoạt động, thực hiện các giao dịch tài chính và thực hiện nhiệm vụ của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Quyết định số 2195/QĐ-TĐHYKPNT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc phân công tham gia công tác Tuyển sinh Sau đại học năm 2025;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Tuyển sinh Sau đại học ngày 30 tháng 9 năm 2025 và Danh sách công nhận trúng tuyển xuất từ phần mềm của Ban Máy tính kỳ thi Tuyển sinh Sau đại học năm 2025;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học tại Tờ trình số 446/TTr-QLĐTSDH ngày 30 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 661 thí sinh trúng tuyển Chuyên khoa cấp I thuộc 23 chuyên ngành; 199 thí sinh trúng tuyển Chuyên khoa cấp II thuộc 19 chuyên ngành và 111 thí sinh trúng tuyển Bác sĩ nội trú thuộc 10 chuyên ngành (danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trưởng Khoa/Bộ môn, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KHCN&ĐT-Bộ Y tế;
- Đảng ủy-HĐT;
- Tập thể Lãnh đạo;
- Phòng CNTT (để đăng web);
- Lưu: VT, P.QLĐTSDH (Q_05b).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PHỤ TRÁCH ĐIỀU HÀNH**



PGS. TS. DS Nguyễn Đăng Thoại

DANH SÁCH TRUNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA CẤP I

(Kèm Quyết định số ...3889...../QĐ-TĐHYKPNT ngày ... tháng ... năm 2025

của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH 45						
1	1	25.01.01.0001	Nguyễn Hồ Thanh	An	Nam	19/11/1995	Tỉnh Đồng Nai	
2	2	25.01.01.0003	Hồ Thục	Anh	Nữ	26/03/1998	Tỉnh Nghệ An	
3	3	25.01.01.0007	Đào Thị Bảo	Ánh	Nữ	18/03/1997	Tỉnh Bình Định	
4	4	25.01.01.0010	Huỳnh Thanh	Bình	Nam	19/02/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
5	5	25.01.01.0012	Nguyễn Huy	Bình	Nam	24/03/1996	Bệnh viện đa khoa Sông Bé	
6	6	25.01.01.0017	Lê Minh	Cường	Nam	20/07/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
7	7	25.01.01.0021	Trần Thị Ngọc	Diễm	Nữ	08/06/1997	Tỉnh Bình Định	
8	8	25.01.01.0026	Kiều Diễm Kim	Duyên	Nữ	18/09/1995	Tỉnh Bình Định	
9	9	25.01.01.0028	Tài Cao Kỳ	Duyên	Nữ	15/09/1995	Tỉnh Ninh Thuận	
10	10	25.01.01.0031	Phạm Hồng	Đức	Nam	28/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
11	11	25.01.01.0034	Trần Hoàng Hương	Giang	Nữ	25/07/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
12	12	25.01.01.0038	Đồng Thanh	Hà	Nữ	06/06/1995	Tỉnh Hải Dương	
13	13	25.01.01.0042	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	Nữ	10/10/1993	Tỉnh Kiên Giang	
14	14	25.01.01.0044	Nguyễn Hoàng Gia	Hân	Nữ	16/12/1997	Tỉnh Bình Định	
15	15	25.01.01.0051	Nguyễn Dương Thái	Hoà	Nam	17/10/1998	Tỉnh Lâm Đồng	
16	16	25.01.01.0059	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	13/04/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
17	17	25.01.01.0067	Lộc Thị	Hường	Nữ	05/08/1995	Tỉnh Lạng Sơn	
18	18	25.01.01.0074	Trần Tuấn	Kiệt	Nam	23/09/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
19	19	25.01.01.0075	Nguyễn	Kỳ	Nam	06/03/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
20	20	25.01.01.0083	Phan Tổ	Loan	Nữ	02/08/1989	Tỉnh Bình Dương	
21	21	25.01.01.0084	Nguyễn Đức	Long	Nam	24/06/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
22	22	25.01.01.0088	Kiều Tiến	Lực	Nam	16/01/1991	Tỉnh Ninh Thuận	
23	23	25.01.01.0093	Phạm Thị Hồng	Mỹ	Nữ	05/09/1997	Tỉnh Trà Vinh	
24	24	25.01.01.0097	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	28/02/1994	Tỉnh Phú Yên	
25	25	25.01.01.0099	Phạm Thị Ngọc	Ngân	Nữ	14/12/1996	Tỉnh Đồng Tháp	
26	26	25.01.01.0103	Mạc Thị Hạnh	Nghĩa	Nữ	10/04/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
27	27	25.01.01.0108	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	Nữ	17/03/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
28	28	25.01.01.0109	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	02/03/1995	Tỉnh Quảng Nam	
29	29	25.01.01.0110	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	02/02/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
30	30	25.01.01.0116	Trương Phước Phương	Như	Nữ	12/06/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
31	31	25.01.01.0120	Phạm Ngọc Viên	Phúc	Nữ	24/06/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
32	32	25.01.01.0122	Nguyễn Uyên	Phương	Nữ	11/02/1991	Tỉnh Lâm Đồng	
33	33	25.01.01.0124	Ngô Hồng	Phượng	Nam	20/11/1988	Tỉnh Bến Tre	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
34	34	25.01.01.0128	Đàm Tú	Quyên	Nữ	31/03/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
35	35	25.01.01.0134	Tiêu Thanh	Sái	Nam	10/09/1996	Tỉnh Kiên Giang	
36	36	25.01.01.0147	Nguyễn Trọng	Thái	Nam	31/12/1977	Tỉnh Vĩnh Long	
37	37	25.01.01.0148	Bùi Công	Thắng	Nam	23/11/1990	Tỉnh Lâm Đồng	
38	38	25.01.01.0160	Trần Dương Minh	Thư	Nữ	18/09/1997	Tỉnh Bình Định	
39	39	25.01.01.0162	Hoàng Thị Minh	Thư	Nữ	28/01/1988	Tỉnh Đồng Nai	
40	40	25.01.01.0168	Phan Thị Huyền	Trang	Nữ	17/08/1996	Tỉnh An Giang	
41	41	25.01.01.0172	Nguyễn Mỹ Nguyên	Trinh	Nữ	12/06/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
42	42	25.01.01.0173	Lưu Minh	Trí	Nam	17/07/1997	Tỉnh Gia Lai	
43	43	25.01.01.0174	Nguyễn Thị Thu	Trúc	Nữ	10/04/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
44	44	25.01.01.0178	Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	15/12/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
45	45	25.01.01.0179	Lê Tiết	Vân	Nữ	26/07/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
NGÀNH: CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH 43								
46	1	25.01.02.0188	Lê Hoàng	Anh	Nam	07/02/1992	Tỉnh Tiền Giang	
47	2	25.01.02.0198	Vũ Văn	Diệp	Nam	15/11/1990	Tỉnh Thái Bình	
48	3	25.01.02.0201	Lê Anh	Duy	Nam	27/10/1996	Tỉnh Bình Dương	
49	4	25.01.02.0202	Nguyễn Lê	Duy	Nam	6/08/1998	Tỉnh Quảng Ngãi	
50	5	25.01.02.0207	Phạm Công	Đồng	Nam	16/05/1997	Tỉnh Gia Lai	
51	6	25.01.02.0208	Lương Minh	Đức	Nam	12/01/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
52	7	25.01.02.0209	Tạ Minh	Đức	Nam	07/09/1994	Tỉnh Cà Mau	
53	8	25.01.02.0210	Quảng Trọng	Hà	Nam	06/08/1997	Tỉnh Bình Thuận	
54	9	25.01.02.0213	Võ Xuân	Hiếu	Nam	28/05/1998	Tỉnh Gia Lai	
55	10	25.01.02.0214	Tô Trung	Hiếu	Nam	04/11/1995	Tỉnh Bến Tre	
56	11	25.01.02.0216	Nguyễn Đức	Hoàng	Nam	26/07/1994	Tỉnh Khánh Hòa	
57	12	25.01.02.0218	Nguyễn Như	Hồng	Nam	07/11/1996	Tỉnh Nghệ An	
58	13	25.01.02.0219	Văn Minh	Huy	Nam	17/07/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
59	14	25.01.02.0223	Nguyễn Hoàng	Khang	Nam	12/01/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
60	15	25.01.02.0227	Phan Văn	Long	Nam	27/02/1998	Tỉnh Gia Lai	
61	16	25.01.02.0228	Lê Văn	Lộc	Nam	10/03/1995	Tỉnh Đồng Nai	
62	17	25.01.02.0231	Đỗ Văn	Minh	Nam	13/04/1999	Tỉnh Bình Phước	
63	18	25.01.02.0233	Phạm Hoài	Nam	Nam	20/05/1993	Tỉnh Bình Định	
64	19	25.01.02.0234	Ngô Ngọc	Ngân	Nam	23/10/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
65	20	25.01.02.0235	Đỗ Phúc	Nguyên	Nam	09/12/1995	Tỉnh Bình Định	
66	21	25.01.02.0238	Đặng Văn	Quang	Nam	02/06/1995	Tỉnh Nghệ An	
67	22	25.01.02.0242	Vũ Nguyễn Hồng	Son	Nam	15/01/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
68	23	25.01.02.0243	Phạm Thế	Son	Nam	20/11/1996	Tỉnh Bến Tre	
69	24	25.01.02.0244	Đỗ Thành	Tài	Nam	22/12/1987	Bình Thuận	
70	25	25.01.02.0247	Phạm Hồng	Thành	Nam	21/04/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
71	26	25.01.02.0249	Trần Bảo	Thạch	Nam	15/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
72	27	25.01.02.0252	Trần Đức	Thiện	Nam	31/08/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
73	28	25.01.02.0253	Phan Thanh	Thiện	Nam	16/11/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
74	29	25.01.02.0254	Bùi Minh	Thịnh	Nam	02/10/1997	Tỉnh Khánh Hòa	
75	30	25.01.02.0255	Trần Đình	Thoại	Nam	25/03/1996	Tỉnh Đắk Nông	
76	31	25.01.02.0258	Nguyễn Đức Nhật	Toàn	Nam	12/05/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
77	32	25.01.02.0259	Đinh Thanh	Trà	Nam	04/05/1999	Tỉnh Lâm Đồng	
78	33	25.01.02.0261	Nguyễn Văn	Trường	Nam	10/03/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
79	34	25.01.02.0262	Đào Huỳnh Anh	Tuấn	Nam	01/12/1998	Tỉnh Quảng Ngãi	
80	35	25.01.02.0265	Hoàng	Tùng	Nam	30/10/1993	Tỉnh Đắk Lắk	
81	36	25.01.02.0268	Trần Trung	Tú	Nam	12/03/1997	Tỉnh Quảng Ngãi	
82	37	25.01.02.0271	Hồ Minh	Tú	Nam	18/06/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
83	38	25.01.02.0272	Võ Việt	Tường	Nam	05/08/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
84	39	25.01.02.0273	Lê Quốc	Việt	Nam	21/07/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
85	40	25.01.02.0274	Lâm Quang	Vinh	Nam	01/01/1995	Tỉnh Trà Vinh	
86	41	25.01.02.0275	Phạm Anh	Vinh	Nam	29/05/1991	Tỉnh Đắk Lắk	
87	42	25.01.02.0276	Hồ Đăng	Vũ	Nam	10/09/1997	Tỉnh Bình Thuận	
88	43	25.01.02.0277	Nguyễn Đức Mạnh	Vũ	Nam	19/03/1998	Tỉnh Nam Định	
		NGÀNH: DA LIỄU				39		
89	1	25.01.03.0278	Lê Phúc	An	Nam	17/12/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
90	2	25.01.03.0284	Lê Kiều	Anh	Nữ	26/06/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
91	3	25.01.03.0286	Nguyễn Thị Huế	Anh	Nữ	15/12/1995	Tỉnh Sóc Trăng	
92	4	25.01.03.0288	Nguyễn Thị Kiều	Anh	Nữ	16/02/1992	Tỉnh Hà Tĩnh	
93	5	25.01.03.0297	Trần Ngọc	Châu	Nữ	29/09/1997	Thành phố Cần Thơ	
94	6	25.01.03.0301	Văn Thị Kim	Dung	Nữ	29/06/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
95	7	25.01.03.0307	Hứa Nhật Hiếu	Đan	Nữ	10/08/1998	Tỉnh Cà Mau	
96	8	25.01.03.0310	Hoàng Hương	Giang	Nữ	15/04/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
97	9	25.01.03.0311	Ma Ngọc Hương	Giang	Nữ	15/01/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
98	10	25.01.03.0314	Nguyễn Ngọc Mỹ	Hạnh	Nữ	15/10/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
99	11	25.01.03.0326	Phan Đức	Huy	Nam	28/02/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
100	12	25.01.03.0327	Nguyễn Hoàng Minh	Huy	Nam	15/05/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
101	13	25.01.03.0330	Đinh Thị Quỳnh	Hương	Nữ	21/07/1997	Tỉnh Long An	
102	14	25.01.03.0350	Bùi Ngọc Mỹ	Linh	Nữ	30/4/1997	Tỉnh Đồng Nai	
103	15	25.01.03.0355	Trương Thị	Ly	Nữ	20/04/1997	Tỉnh Thanh Hóa	
104	16	25.01.03.0360	Mông Thị Lê	Na	Nữ	08/10/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
105	17	25.01.03.0361	Dương Kim	Ngân	Nữ	11/10/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
106	18	25.01.03.0364	Nguyễn Khánh	Ngân	Nữ	09/06/1996	Tỉnh Gia Lai	
107	19	25.01.03.0377	Tô Thị Ý	Nhi	Nữ	11/10/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
108	20	25.01.03.0380	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	15/01/1990	Tỉnh Lâm Đồng	
109	21	25.01.03.0382	Đoàn Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	09/03/1996	Tỉnh Đồng Nai	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
110	22	25.01.03.0384	Trịnh Huỳnh	Như	Nữ	12/12/1997	Tỉnh Bình Định	
111	23	25.01.03.0389	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	30/08/1998	Tỉnh Đồng Nai	
112	24	25.01.03.0398	Nguyễn Nhật	Quang	Nam	03/02/1998	Tỉnh Bạc Liêu	
113	25	25.01.03.0418	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	09/04/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
114	26	25.01.03.0422	Bùi Quốc	Thắng	Nam	17/05/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
115	27	25.01.03.0423	Nguyễn Chí	Thiện	Nam	07/08/1998	Tỉnh Long An	
116	28	25.01.03.0427	Nguyễn Thị Lệ	Thu	Nữ	18/03/1997	Tỉnh Kon Tum	
117	29	25.01.03.0430	Đổng Thị Mỹ	Thùy	Nữ	18/02/1996	Tỉnh Kiên Giang	
118	30	25.01.03.0435	Trương Kim	Tiền	Nữ	09/07/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
119	31	25.01.03.0436	Dương Ngọc	Tiến	Nam	07/01/1995	Tỉnh Đồng Nai	
120	32	25.01.03.0442	Đào Phương	Trang	Nữ	06/11/1996	Tỉnh Lâm Đồng	
121	33	25.01.03.0445	Đỗ Thanh	Trà	Nữ	16/01/1997	Tỉnh Long An	
122	34	25.01.03.0447	Nguyễn Bích	Trâm	Nữ	09/12/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
123	35	25.01.03.0448	Lê Thị Quỳnh	Trâm	Nữ	20/05/1998	Tỉnh Quảng Ngãi	
124	36	25.01.03.0455	Nguyễn Thị Tú	Trinh	Nữ	26/07/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
125	37	25.01.03.0458	Phạm Thị Mai	Trúc	Nữ	02/07/1997	Tỉnh Tiền Giang	
126	38	25.01.03.0464	Võ Ngọc	Tuyền	Nữ	30/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
127	39	25.01.03.0478	Võ Việt	Xuân	Nữ	03/03/1998	Tỉnh An Giang	
		NGÀNH: DƯỢC LÝ - DƯỢC LÂM SÀNG						
		11						
128	1	25.01.31.1678	Trương Lê Hoàng	Duyên	Nữ	24/01/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
129	2	25.01.31.1679	Lê Xuân	Huy	Nam	29/01/1998	Tỉnh Quảng Ngãi	
130	3	25.01.31.1680	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	03/04/1991	Tỉnh Lâm Đồng	
131	4	25.01.31.1681	Trần Hoàng Yến	Nhi	Nữ	12/10/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
132	5	25.01.31.1682	Lư Ái	Như	Nữ	05/05/1994	Tỉnh Bến Tre	
133	6	25.01.31.1684	Lê Thị Song	Thương	Nữ	04/04/1995	Sông Bé	
134	7	25.01.31.1685	Phạm Thị Phương	Toàn	Nữ	02/04/1978	Tỉnh Đồng Tháp	
135	8	25.01.31.1686	Đỗ Thị Huyền	Trang	Nữ	19/01/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
136	9	25.01.31.1687	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	25/07/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
137	10	25.01.31.1688	Bùi Thị Thanh	Trúc	Nữ	09/12/1981	Tỉnh Bình Thuận	
138	11	25.01.31.1689	Nguyễn Trần Minh	Tú	Nam	02/11/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG						
		21						
139	1	25.01.04.0482	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	12/08/1982	Tỉnh Hà Tĩnh	
140	2	25.01.04.0483	Lê Thị Huyền	Anh	Nữ	15/12/1986	Tỉnh Bình Phước	
141	3	25.01.04.0484	Đặng Thị Mỹ	Chi	Nữ	26/09/1989	Thuận Hải	
142	4	25.01.04.0485	Nguyễn Đào Phương	Dung	Nữ	24/10/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
143	5	25.01.04.0487	Hoàng Thị Thu	Hằng	Nữ	11/04/1988	Tỉnh Nam Định	
144	6	25.01.04.0488	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	27/09/1984	Tỉnh Thanh Hóa	
145	7	25.01.04.0489	Nguyễn Thị Mộng	Linh	Nữ	29/07/1987	Tỉnh Long An	
146	8	25.01.04.0490	Phạm Thị Ngọc	Mỹ	Nữ	03/12/1982	Tỉnh Long An	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
147	9	25.01.04.0491	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	02/11/1995	Tỉnh Thanh Hóa	
148	10	25.01.04.0492	Lê Văn	Sen	Nam	25/06/1991	Hải Hưng	
149	11	25.01.04.0493	Phạm Nguyễn Đan	Thanh	Nữ	20/11/1995	Tỉnh Đồng Tháp	
150	12	25.01.04.0494	Lưu Kim	Thành	Nữ	10/01/1984	Bà Rịa Vũng Tàu	
151	13	25.01.04.0495	Võ Văn Tất	Thành	Nam	10/05/1999	Bà Rịa Vũng Tàu	
152	14	25.01.04.0496	Phạm Thị Tuyết	Thu	Nữ	17/07/1986	Thành phố Hồ Chí Minh	
153	15	25.01.04.0497	Bùi Ngọc	Thư	Nữ	27/07/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
154	16	25.01.04.0499	Hồ Thị Mỹ	Tiên	Nữ	02/09/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
155	17	25.01.04.0500	Trần Vũ Thanh	Trúc	Nữ	27/10/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
156	18	25.01.04.0501	Võ Thị Kim	Tuyển	Nữ	12/05/1995	Tỉnh Tiền Giang	
157	19	25.01.04.0502	Đỗ Thị	Tuyết	Nữ	06/12/1980	Tỉnh Quảng Ngãi	
158	20	25.01.04.0503	Vũ Thị Hồng	Yến	Nữ	27/01/1978	Thành phố Hồ Chí Minh	
159	21	25.01.04.0504	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	30/11/1984	Tỉnh Nam Định	
NGÀNH: GÂY MÊ HỒI SỨC 23								
160	1	25.01.05.0512	Trần Phú Minh	Châu	Nam	07/01/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
161	2	25.01.05.0516	Huỳnh Phương	Duy	Nam	07/04/1999	Tỉnh Tây Ninh	
162	3	25.01.05.0518	Nguyễn Bá	Dũng	Nam	25/07/1995	Tỉnh Nghệ An	
163	4	25.01.05.0522	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	24/12/1997	Tỉnh Phú Thọ	
164	5	25.01.05.0532	Hoàng Ngọc	Khang	Nam	06/09/1996	Vĩnh Phúc	
165	6	25.01.05.0537	Võ Thị Mỹ	Linh	Nữ	23/09/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
166	7	25.01.05.0540	Phạm Lê Minh	Mẫn	Nam	05/05/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
167	8	25.01.05.0541	Mai Tuấn	Minh	Nam	03/06/1996	Tỉnh Quảng Bình	
168	9	25.01.05.0551	Dương Trung	Nguyên	Nam	11/07/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
169	10	25.01.05.0552	Tô Nhân	Nhã	Nam	26/08/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
170	11	25.01.05.0553	Phạm Phú	Nhân	Nam	16/05/1998	Tỉnh Kon Tum	
171	12	25.01.05.0558	Ngô Quỳnh	Quang	Nam	06/01/1995	Tỉnh Sóc Trăng	
172	13	25.01.05.0561	Nguyễn Xuân	Quý	Nam	13/06/1998	Tỉnh Vĩnh Long	
173	14	25.01.05.0562	Vương Minh	Thành	Nam	30/09/1997	Tỉnh Bến Tre	
174	15	25.01.05.0564	Nguyễn Thị Diệu	Thảo	Nữ	07/06/1996	Tỉnh Quảng Nam	
175	16	25.01.05.0570	Nguyễn Thị Minh	Thu	Nữ	09/10/1996	Tỉnh Khánh Hòa	
176	17	25.01.05.0571	Vũ Thị Minh	Thúy	Nữ	13/09/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
177	18	25.01.05.0576	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	12/03/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
178	19	25.01.05.0578	Lâm Văn	Triệu	Nam	28/01/1993	Tỉnh Thái Bình	
179	20	25.01.05.0582	Huỳnh Công	Trung	Nam	26/11/1994	Tỉnh Tiền Giang	
180	21	25.01.05.0583	Nguyễn Bảo	Trung	Nam	27/03/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
181	22	25.01.05.0586	Huỳnh Anh	Tuấn	Nam	21/02/1996	Tỉnh Quảng Nam	
182	23	25.01.05.0594	Nguyễn Vũ Thảo	Vy	Nữ	04/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
NGÀNH: HỒI SỨC CẤP CỨU – CHỐNG ĐỘC 37								
183	1	25.01.06.0596	Nguyễn Văn Phước	An	Nam	21/02/1996	Tỉnh Trà Vinh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
184	2	25.01.06.0597	Lê Thu	Anh	Nữ	17/10/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
185	3	25.01.06.0598	Nguyễn Tú	Anh	Nữ	31/10/1991	Tỉnh Thái Bình	
186	4	25.01.06.0599	Đặng Hoàng	Ân	Nam	18/01/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
187	5	25.01.06.0600	Trần Hà Thiên	Ân	Nam	05/04/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
188	6	25.01.06.0601	Trần Đình	Bảo	Nam	19/07/1995	Tỉnh Đồng Tháp	
189	7	25.01.06.0603	Nguyễn Đắc	Bách	Nam	12/12/1997	Tỉnh Bình Dương	
190	8	25.01.06.0607	Nguyễn Đức	Công	Nam	28/04/1996	Tỉnh Quảng Ngãi	
191	9	25.01.06.0608	Bùi Thị	Cúc	Nữ	08/03/1995	Tỉnh Thanh Hóa	
192	10	25.01.06.0610	Thái Quốc	Cường	Nam	25/05/1999	Tỉnh Trà Vinh	
193	11	25.01.06.0613	Nguyễn Trọng	Duy	Nam	06/03/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
194	12	25.01.06.0615	Võ Phụng	Đan	Nữ	25/05/1997	Tỉnh An Giang	
195	13	25.01.06.0620	Nguyễn Trung	Hoàng	Nam	12/07/1995	Tỉnh Tây Ninh	
196	14	25.01.06.0622	Nguyễn Quang	Huy	Nam	29/10/1997	Tỉnh Gia Lai	
197	15	25.01.06.0623	Nguyễn Lê	Huyền	Nam	06/11/1995	Tỉnh Tiền Giang	
198	16	25.01.06.0625	Đình Việt	Hùng	Nam	20/12/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
199	17	25.01.06.0626	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	Nữ	10/01/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
200	18	25.01.06.0630	Nguyễn Phạm Cao	Khoa	Nam	21/01/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
201	19	25.01.06.0633	Đặng Khánh	Linh	Nữ	09/07/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
202	20	25.01.06.0636	Lê Xuân	Long	Nam	03/12/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
203	21	25.01.06.0639	Hoàng Trọng	Nghĩa	Nam	18/03/1998	Tỉnh Lâm Đồng	
204	22	25.01.06.0641	Trương Thành	Nhân	Nam	25/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
205	23	25.01.06.0642	Đỗ Nhật Đông	Quân	Nam	21/01/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
206	24	25.01.06.0644	Lương Lai	Quốc	Nam	25/12/1989	Tỉnh Sông Bé	
207	25	25.01.06.0646	Nguyễn Gia	Thành	Nam	27/10/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
208	26	25.01.06.0647	Ngô Thị Bích	Thảo	Nữ	16/12/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
209	27	25.01.06.0649	Chu Hoàng Trường	Thạnh	Nam	26/10/1993	Tỉnh Lâm Đồng	
210	28	25.01.06.0654	Đoàn Công	Tiến	Nam	24/08/1997	Tỉnh Đồng Tháp	
211	29	25.01.06.0656	Nông Thế	Tinh	Nam	02/08/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
212	30	25.01.06.0657	Hà Đình	Toàn	Nam	15/06/1990	Tỉnh Thanh Hóa	
213	31	25.01.06.0660	Phạm Thị Tú	Trinh	Nữ	11/02/1998	Tỉnh Trà Vinh	
214	32	25.01.06.0662	Nguyễn Minh	Trí	Nam	13/05/1997	Tỉnh Long An	
215	33	25.01.06.0664	Phạm Thanh	Tuyền	Nam	21/08/1990	Tỉnh Ninh Bình	
216	34	25.01.06.0665	Trần Minh	Tú	Nam	24/12/1994	Tỉnh Tiền Giang	
217	35	25.01.06.0666	Nguyễn Bá	Tước	Nam	21/12/1991	Tỉnh Kiên Giang	
218	36	25.01.06.0669	Lê Tường	Vy	Nữ	01/01/1993	Tỉnh Đồng Nai	
219	37	25.01.06.0670	Dương Thị Mai	Xuân	Nữ	24/01/1994	Thành phố Cần Thơ	
		NGÀNH: HUYẾT HỌC						
		4						
220	1	25.01.07.1575	Trần Thị Linh	Huệ	Nữ	11/03/1992	Tỉnh Thanh Hóa	
221	2	25.01.07.1576	Lê Thị	Thắm	Nữ	15/03/1996	Tỉnh Thừa Thiên Huế	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
222	3	25.01.07.1577	Nguyễn Thị Bạch	Thu	Nữ	02/03/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
223	4	25.01.07.1578	Lê Minh Đan	Thùy	Nữ	09/04/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: NỘI TỔNG QUÁT 59						
224	1	25.01.10.0867	Lê Tuyết	An	Nữ	15/11/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
225	2	25.01.10.0870	Phạm Ngọc	An	Nam	24/01/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
226	3	25.01.10.0874	Trần Thị Tuyết	Anh	Nữ	24/11/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
227	4	25.01.10.0875	Lê Minh	Anh	Nữ	15/12/1995	Tỉnh Đồng Nai	
228	5	25.01.10.0878	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	08/03/1996	Tỉnh Bình Dương	
229	6	25.01.10.0883	Trần Duy	Bách	Nam	03/04/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
230	7	25.01.10.0884	Trần Huệ	Bình	Nữ	28/02/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
231	8	25.01.10.0890	Vi Thị	Chung	Nữ	06/03/1993	Tỉnh Đắk Lắk	
232	9	25.01.10.0892	Đình Quốc	Cường	Nam	09/04/1995	Tỉnh Kiên Giang	
233	10	25.01.10.0899	Nguyễn Thị Mai	Duyên	Nữ	05/12/1997	Tỉnh Quảng Ngãi	
234	11	25.01.10.0905	Nguyễn Trần Bảo	Dy	Nam	19/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
235	12	25.01.10.0908	Dương Hữu	Đạt	Nam	02/09/1996	Tỉnh Long An	
236	13	25.01.10.0909	Huỳnh Tấn	Đạt	Nam	30/09/1997	Tỉnh Vĩnh Long	
237	14	25.01.10.0910	Lê Hoàng	Đấu	Nam	22/12/1993	Cần Thơ	
238	15	25.01.10.0914	Nguyễn Đức	Độ	Nam	20/04/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
239	16	25.01.10.0921	Vũ Ngọc	Hà	Nữ	17/06/1995	Tỉnh Kon Tum	
240	17	25.01.10.0930	Vũ Trung	Hậu	Nam	16/01/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
241	18	25.01.10.0932	Phan Thị Thu	Hiền	Nữ	02/01/1999	Tỉnh Gia Lai	
242	19	25.01.10.0943	Phan Nhựt Nguyễn Minh	Hòa	Nam	01/06/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
243	20	25.01.10.0948	Ka'	Hue	Nữ	15/09/1994	Tỉnh Lâm Đồng	
244	21	25.01.10.0956	Lê Phương Duy	Kha	Nam	05/08/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
245	22	25.01.10.0962	Trần Huỳnh Tuấn	Khoa	Nam	05/07/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
246	23	25.01.10.0963	Phan Tuấn Anh	Kiệt	Nam	16/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
247	24	25.01.10.0972	Nguyễn Thị Hồng	Linh	Nữ	23/02/1995	Tỉnh Gia Lai	
248	25	25.01.10.0974	Lưu Thị Khánh	Linh	Nữ	24/11/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
249	26	25.01.10.0975	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	17/12/1997	Tỉnh Nam Định	
250	27	25.01.10.0978	Hoàng Thị Hồng	Loan	Nữ	23/07/1994	Nam Hà	
251	28	25.01.10.0982	Hà Tấn	Lộc	Nam	04/01/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
252	29	25.01.10.0986	Trịnh Thị	Lý	Nữ	24/04/1996	Tỉnh Quảng Nam	
253	30	25.01.10.0987	Lăng Thị Trà	Mí	Nữ	25/02/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
254	31	25.01.10.1004	Phạm Thanh	Ngân	Nữ	04/01/1997	Tỉnh An Giang	
255	32	25.01.10.1018	Trần Xuân	Nhã	Nam	20/12/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
256	33	25.01.10.1021	Nguyễn Đình	Nhân	Nam	01/01/1994	Tỉnh Đồng Nai	
257	34	25.01.10.1027	Dương Phương	Nhi	Nữ	29/01/1996	Tỉnh Long An	
258	35	25.01.10.1028	Lã Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	17/09/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
259	36	25.01.10.1035	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	01/10/1997	Tỉnh Quảng Trị	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
260	37	25.01.10.1036	Huỳnh Tấn	Phát	Nam	20/11/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
261	38	25.01.10.1052	Nguyễn Ngọc Xuân	Phương	Nữ	02/01/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
262	39	25.01.10.1058	Lâm Hồng	Quân	Nữ	29/07/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
263	40	25.01.10.1060	Nguyễn Hoàng Lệ	Quyên	Nữ	09/09/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
264	41	25.01.10.1062	Phan Đỗ	Quyên	Nữ	06/10/1993	Tỉnh Đồng Tháp	
265	42	25.01.10.1063	Trần Minh	Quyên	Nam	11/05/1999	Tỉnh Bạc Liêu	
266	43	25.01.10.1064	Nguyễn Đăng	Quyên	Nam	18/10/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
267	44	25.01.10.1065	Tăng Ngọc Mai	Quỳnh	Nữ	31/08/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
268	45	25.01.10.1069	Phan Tấn	Son	Nam	06/03/1997	Tỉnh Khánh Hòa	
269	46	25.01.10.1072	Huỳnh Khánh	Tài	Nam	08/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
270	47	25.01.10.1076	Hồ Chí	Tâm	Nam	11/08/1998	Tỉnh Bình Thuận	
271	48	25.01.10.1112	Ngô Đình Anh	Thư	Nữ	31/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
272	49	25.01.10.1113	Võ Hoài	Thương	Nữ	05/09/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
273	50	25.01.10.1115	Nguyễn Hoàng Hoài	Thương	Nữ	15/07/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
274	51	25.01.10.1116	Trịnh Nguyễn Quỳnh	Tiên	Nữ	29/03/1996	Tỉnh Ninh Thuận	
275	52	25.01.10.1119	Phan Thị Kim	Tiến	Nữ	10/03/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
276	53	25.01.10.1127	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	Nữ	11/12/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
277	54	25.01.10.1128	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	Nữ	24/12/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
278	55	25.01.10.1134	Vũ Minh	Trí	Nam	26/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
279	56	25.01.10.1144	Cao Duy	Tùng	Nam	13/01/1994	Tỉnh Thanh Hóa	
280	57	25.01.10.1147	Đàm Trung	Văn	Nam	01/05/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
281	58	25.01.10.1158	Huỳnh Tiến	Vỹ	Nam	30/08/1997	Tỉnh Quảng Ngãi	
282	59	25.01.10.1159	Võ Quý	Vỵ	Nam	08/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: NGOẠI TỔNG QUÁT						
		20						
283	1	25.01.12.1161	Lê Thị Kim	Anh	Nữ	01/08/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
284	2	25.01.12.1162	Nguyễn Tấn	Dũng	Nam	01/07/1995	Tỉnh Quảng Ngãi	
285	3	25.01.12.1163	Lê Quang	Đại	Nam	16/12/1995	Tỉnh Bình Phước	
286	4	25.01.12.1164	Đặng Văn	Đạt	Nam	02/01/1994	Tỉnh Thừa Thiên Huế	
287	5	25.01.12.1165	Đặng Văn	Đồng	Nam	26/12/1991	Tỉnh Lâm Đồng	
288	6	25.01.12.1168	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	24/04/1994	Tỉnh Hà Tĩnh	
289	7	25.01.12.1169	Trương Mạnh	Huy	Nam	09/07/1996	Tỉnh Trà Vinh	
290	8	25.01.12.1170	Nguyễn Đắc Anh	Huy	Nam	30/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
291	9	25.01.12.1172	Phạm Trọng	Khánh	Nam	12/12/1997	Tỉnh Bình Dương	
292	10	25.01.12.1174	Lê Anh	Khoa	Nam	07/11/1990	Tỉnh Long An	
293	11	25.01.12.1175	Lê Văn	Mến	Nam	01/06/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
294	12	25.01.12.1176	Trương Đỗ Trung	Nguyên	Nam	15/09/1996	Tỉnh Gia Lai	
295	13	25.01.12.1177	Lê Nho Minh	Nhật	Nam	12/08/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
296	14	25.01.12.1178	Nguyễn Đình	Nhật	Nam	03/05/1990	Tỉnh Đồng Nai	
297	15	25.01.12.1179	Phan Ngọc	Phát	Nam	14/05/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
298	16	25.01.12.1180	Huỳnh Vĩnh	Phú	Nam	09/01/1991	Tỉnh Tiền Giang	
299	17	25.01.12.1181	Đào Nguyễn Hồng	Phúc	Nam	20/04/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
300	18	25.01.12.1184	Nguyễn Văn	Trường	Nam	24/04/1988	Tỉnh Yên Bái	
301	19	25.01.12.1185	Nguyễn Hữu	Việt	Nam	16/03/1988	Tỉnh Phú Khánh	
302	20	25.01.12.1186	Võ Việt	Vương	Nam	14/09/1998	Tỉnh Bình Định	
NGÀNH: NHÃN KHOA 30								
303	1	25.01.08.0672	Nguyễn Thị Trâm	Anh	Nữ	26/12/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
304	2	25.01.08.0674	Trương Hoài	Ấn	Nam	14/08/1991	Tỉnh Sông Bé	
305	3	25.01.08.0678	Trần Thị Trúc	Chi	Nữ	17/07/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
306	4	25.01.08.0684	Nguyễn Huy	Dũng	Nam	18/09/1997	Tỉnh Kon Tum	
307	5	25.01.08.0685	Trần Văn	Dự	Nam	19/08/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
308	6	25.01.08.0686	Huỳnh Nguyễn Hồng	Điệp	Nữ	06/12/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
309	7	25.01.08.0687	Nguyễn Tuấn	Đức	Nam	05/11/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
310	8	25.01.08.0692	Nguyễn Ngọc	Hiếu	Nam	19/05/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
311	9	25.01.08.0694	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	20/03/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
312	10	25.01.08.0696	Phan Lê Công	Huy	Nam	10/06/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
313	11	25.01.08.0698	Lò Thị	Hương	Nữ	19/01/1996	Tỉnh Thanh Hóa	
314	12	25.01.08.0700	Phan Thị	Lan	Nữ	13/11/1995	Tỉnh Nam Hà	
315	13	25.01.08.0702	Phạm Thị	Liên	Nữ	13/06/1992	Tỉnh Thanh Hóa	
316	14	25.01.08.0704	Nông Tất	Minh	Nam	16/06/1994	Tỉnh Đồng Tháp	
317	15	25.01.08.0708	Trần Bảo	Ngọc	Nam	22/06/1996	Thành phố Hải Phòng	
318	16	25.01.08.0709	Nguyễn Phan Thanh	Nhã	Nữ	19/11/1997	Tỉnh Khánh Hòa	
319	17	25.01.08.0710	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	26/09/1999	Tỉnh Nghệ An	
320	18	25.01.08.0716	Đào Thiện	Phúc	Nam	13/04/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
321	19	25.01.08.0718	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	19/05/1984	Tỉnh Thanh Hóa	
322	20	25.01.08.0720	Lâm Phương	Thảo	Nữ	28/02/1995	Tỉnh Kiên Giang	
323	21	25.01.08.0722	Văn Thị	Thúy	Nữ	14/09/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
324	22	25.01.08.0723	Nguyễn Hữu	Thức	Nam	28/06/1997	Tỉnh Bình Phước	
325	23	25.01.08.0724	Trương Thủy	Tiên	Nữ	13/04/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
326	24	25.01.08.0725	Nguyễn Thị Hồng	Trình	Nữ	05/11/1994	Tỉnh Gia Lai	
327	25	25.01.08.0726	Lại Minh	Trí	Nam	07/12/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
328	26	25.01.08.0729	Nguyễn Hoàng	Tú	Nam	16/11/1996	Tỉnh Bình Thuận	
329	27	25.01.08.0730	Nguyễn Cát	Tường	Nam	08/09/1997	Tỉnh Kon Tum	
330	28	25.01.08.0731	Trịnh Ngọc	Viên	Nữ	13/09/1995	Tỉnh Tây Ninh	
331	29	25.01.08.0732	Ngô Quốc	Việt	Nam	18/06/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
332	30	25.01.08.0733	Hà Thế	Vinh	Nam	02/12/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
NGÀNH: NHI KHOA 61								
333	1	25.01.09.0736	Lương Phước	An	Nam	14/03/1999	Tỉnh Bình Thuận	
334	2	25.01.09.0738	Tôn Nữ Cẩm	Anh	Nữ	12/01/1994	Tỉnh Đồng Nai	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
335	3	25.01.09.0741	Trần Thị Ái	Nữ	24/01/1998	Tỉnh Quảng Ngãi	
336	4	25.01.09.0742	Võ Hoàng Ân	Nam	22/06/1995	Tỉnh Bình Dương	
337	5	25.01.09.0744	Trần Ngọc Chân	Nữ	13/06/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
338	6	25.01.09.0745	Đặng Song Hoàng Bảo Châu	Nữ	17/09/1998	Tỉnh Long An	
339	7	25.01.09.0746	Lê Ngọc Bảo Châu	Nữ	10/08/1998	Tỉnh Quảng Ngãi	
340	8	25.01.09.0749	Lê Thị Thùy Dung	Nữ	30/12/1995	Tỉnh An Giang	
341	9	25.01.09.0750	Nguyễn Kim Duyên	Nữ	19/07/1994	Tỉnh Đồng Nai	
342	10	25.01.09.0751	Nguyễn Đình Đan	Nữ	20/04/1995	Tỉnh Tiền Giang	
343	11	25.01.09.0752	Nguyễn Thị Tuyết Đào	Nữ	11/02/1995	Tỉnh Tiền Giang	
344	12	25.01.09.0755	Nguyễn Minh Đức	Nam	26/02/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
345	13	25.01.09.0757	Trương Văn Trường Giang	Nam	20/11/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
346	14	25.01.09.0762	Ngôn Thị Hạnh	Nữ	16/12/1997	Tỉnh Bình Phước	
347	15	25.01.09.0763	Ngô Ngô Thùy Hạnh	Nữ	04/07/1995	Tỉnh Quảng Bình	
348	16	25.01.09.0765	Phạm Trung Hiếu	Nam	02/01/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
349	17	25.01.09.0769	Đình Thị Huệ	Nữ	05/02/1987	Tỉnh Nam Định	
350	18	25.01.09.0772	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	21/05/1995	Tỉnh Nghệ An	
351	19	25.01.09.0773	Trần Phan Thanh Huyền	Nữ	24/04/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
352	20	25.01.09.0775	Lý Thanh Hương	Nữ	15/06/1997	Tỉnh Vĩnh Long	
353	21	25.01.09.0776	Lương Trọng Khải	Nam	23/02/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
354	22	25.01.09.0777	Trương Ái Khuê	Nữ	16/04/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
355	23	25.01.09.0785	Phạm Nguyễn Ngọc Linh	Nữ	27/09/1996	Tỉnh Tiền Giang	
356	24	25.01.09.0786	Trần Hữu Lộc	Nam	14/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
357	25	25.01.09.0791	Nguyễn Lê Phương Ngân	Nữ	11/02/1998	Lâm Đồng	
358	26	25.01.09.0792	Lê Trọng Thuý Ngân	Nữ	12/04/1996	Tỉnh Đồng Nai	
359	27	25.01.09.0794	Lâm Văn Tín Nghĩa	Nam	06/02/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
360	28	25.01.09.0796	Quách Trần Bảo Ngọc	Nữ	10/11/1999	Đak Lak	
361	29	25.01.09.0797	Ngô Yến Ngọc	Nữ	16/09/1991	Tỉnh Tiền Giang	
362	30	25.01.09.0799	Trần Trọng Nguyễn	Nam	09/05/1999	Tỉnh Sóc Trăng	
363	31	25.01.09.0800	Ksor H' Nhái	Nữ	25/09/1995	Tỉnh Gia Lai	
364	32	25.01.09.0811	Lê Thị Thanh Phương	Nữ	10/05/1994	Tỉnh Đồng Nai	
365	33	25.01.09.0813	Phạm Hoài Phương	Nam	05/05/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
366	34	25.01.09.0814	Trần Mai Phương	Nữ	08/09/1999	Tỉnh Gia Lai	
367	35	25.01.09.0815	Lương Gia Phương	Nữ	23/01/1996	Tỉnh Đồng Nai	
368	36	25.01.09.0816	Lê Nguyễn Minh Phương	Nữ	08/10/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
369	37	25.01.09.0817	Nguyễn Thảo Phương	Nữ	21/02/1994	Tỉnh Bến Tre	
370	38	25.01.09.0820	Lê Thị Phương	Nữ	08/08/1997	Tỉnh Ninh Thuận	
371	39	25.01.09.0821	Lâm Thanh Quốc	Nam	10/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
372	40	25.01.09.0824	Hoàng Minh Sơn	Nam	15/02/1994	Tỉnh Đồng Nai	
373	41	25.01.09.0825	Mai Công Tâm	Nam	21/11/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
374	42	25.01.09.0826	Võ Thành	Tân	Nam	11/09/1997	Tỉnh Tiền Giang	
375	43	25.01.09.0830	Lê Đình	Thanh	Nam	15/04/1995	Tỉnh Thanh Hóa	
376	44	25.01.09.0831	Trần Văn	Thành	Nam	18/07/1995	Tỉnh Sóc Trăng	
377	45	25.01.09.0832	Phạm Như Nguyễn	Thảo	Nữ	01/08/1995	Tỉnh Gia Lai	
378	46	25.01.09.0834	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	11/09/1999	Tỉnh Tiền Giang	
379	47	25.01.09.0835	Hồ Vũ Anh	Thị	Nữ	16/06/1999	Tỉnh Quảng Nam	
380	48	25.01.09.0836	Nguyễn Khánh	Thiện	Nữ	07/01/1997	Tỉnh Bình Phước	
381	49	25.01.09.0839	Trần Minh	Thy	Nữ	29/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
382	50	25.01.09.0840	Lê Lâm Anh	Thy	Nữ	12/12/1993	Tỉnh Bình Thuận	
383	51	25.01.09.0843	Hoàng Thị Kiều	Trang	Nữ	01/01/1998	Tỉnh Phú Thọ	
384	52	25.01.09.0844	Tạ Thị Thu	Trang	Nữ	08/08/1992	Tỉnh Đắk Lắk	
385	53	25.01.09.0845	Nguyễn Trần Minh	Triết	Nam	08/01/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
386	54	25.01.09.0846	Đặng Thị Thanh	Triều	Nữ	17/10/1996	Tỉnh Long An	
387	55	25.01.09.0853	Trần Thị Minh	Tuyển	Nữ	06/01/1992	Tỉnh Long An	
388	56	25.01.09.0854	Tạ Minh	Tùng	Nam	02/10/1998	Tỉnh Tiền Giang	
389	57	25.01.09.0856	Lê Thảo	Uyên	Nữ	26/09/1997	Tỉnh Bến Tre	
390	58	25.01.09.0857	Nguyễn Thị Thùy	Vân	Nữ	30/06/1994	Tỉnh Bình Thuận	
391	59	25.01.09.0861	Ngô Thành	Vũ	Nam	28/08/1989	Tỉnh Quảng Ngãi	
392	60	25.01.09.0864	Nông Anh	Vỹ	Nam	30/06/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
393	61	25.01.09.0865	Nguyễn Thị Hương	Xuân	Nữ	27/11/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
NGÀNH: PHẪU THUẬT TẠO HÌNH - THẨM MỸ 45								
394	1	25.01.13.1188	Bùi Như	Anh	Nữ	15/01/1994	Tỉnh Đồng Nai	
395	2	25.01.13.1191	Lê Văn	Ấn	Nam	19/07/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
396	3	25.01.13.1193	Nguyễn Tấn	Diệu	Nam	01/05/1996	Tỉnh Kon Tum	
397	4	25.01.13.1194	Nguyễn Hoàng Thùy	Dung	Nữ	10/07/1986	Thành phố Hồ Chí Minh	
398	5	25.01.13.1197	Nguyễn Hải	Dương	Nam	28/04/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
399	6	25.01.13.1198	Phan Tất	Đại	Nam	05/05/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	
400	7	25.01.13.1203	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	13/07/1997	Tỉnh Trà Vinh	
401	8	25.01.13.1205	Hoàng Trung	Hiếu	Nam	02/10/1994	Tỉnh Hà Nam	
402	9	25.01.13.1206	Hà Minh	Hiếu	Nam	01/10/1999	Tỉnh Lào Cai	
403	10	25.01.13.1207	Trần Hiền	Hoàng	Nam	25/05/1990	Tỉnh Đắk Lắk	
404	11	25.01.13.1209	Hà Quang	Huy	Nam	17/10/1994	Tỉnh Bình Định	
405	12	25.01.13.1212	Tổng Xuân	Huy	Nam	05/09/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
406	13	25.01.13.1214	Nguyễn Phúc	Khánh	Nữ	14/03/1996	Tỉnh Lâm Đồng	
407	14	25.01.13.1215	Trần Đình	Khoa	Nam	29/09/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
408	15	25.01.13.1217	Nguyễn Thành Thanh	Liêm	Nam	08/07/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
409	16	25.01.13.1220	Đinh Thái	Luận	Nam	21/09/1995	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
410	17	25.01.13.1221	Trần Gia	Luật	Nam	09/08/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
411	18	25.01.13.1222	Nguyễn Thành	Lượng	Nam	22/06/1995	Tỉnh Đắk Lắk	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
412	19	25.01.13.1223	Dương Xuân Lực	Nam	18/01/1995	Tỉnh Bắc Thái	
413	20	25.01.13.1224	Đinh Thế Mạnh	Nam	25/11/1996	Tỉnh Gia Lai	
414	21	25.01.13.1226	Nguyễn Thị Nga	Nữ	15/01/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
415	22	25.01.13.1228	Nguyễn Văn Ngọc	Nam	19/06/1998	Tỉnh Quảng Bình	
416	23	25.01.13.1229	Phạm Bảo Nguyên	Nam	24/04/1998	Tỉnh An Giang	
417	24	25.01.13.1234	Tạ Hồng Phúc	Nam	26/02/1989	Tỉnh Vĩnh Long	
418	25	25.01.13.1235	Nguyễn Thị Phương	Nữ	10/11/1995	Tỉnh Hải Dương	
419	26	25.01.13.1237	Vũ Mạnh Quân	Nam	04/09/1997	Tỉnh Bình Phước	
420	27	25.01.13.1238	Nguyễn Việt Quân	Nam	19/03/1996	Tỉnh Thái Bình	
421	28	25.01.13.1239	Đỗ Quyên	Nữ	23/11/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
422	29	25.01.13.1240	Võ Hoàng San	Nam	15/04/1997	Đắk Lắk	
423	30	25.01.13.1242	Kapa Ngô Linh Thành	Nam	08/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
424	31	25.01.13.1243	Kim Nhật Thành	Nam	27/06/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
425	32	25.01.13.1244	Lê Thu Thảo	Nữ	22/10/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
426	33	25.01.13.1246	Trần Bảo Quốc Thắng	Nam	05/03/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
427	34	25.01.13.1247	Bùi Xuân Thiên	Nam	10/12/1997	Tỉnh Hòa Bình	
428	35	25.01.13.1248	Triệu Quang Thịnh	Nam	29/06/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
429	36	25.01.13.1252	Đỗ Thị Hoài Thương	Nữ	16/10/1994	Tỉnh Lâm Đồng	
430	37	25.01.13.1253	Huỳnh Khánh Tiên	Nam	20/08/1992	QUẢNG NAM ĐÀ NẴNG	
431	38	25.01.13.1255	Lê Thị Huyền Trang	Nữ	14/10/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
432	39	25.01.13.1257	Vũ Đức Trọng	Nam	18/05/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
433	40	25.01.13.1258	Nguyễn Quốc Trung	Nam	16/12/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
434	41	25.01.13.1259	Đinh Thế Trung	Nam	24/07/1997	Tỉnh Gia Lai	
435	42	25.01.13.1261	Nguyễn Minh Uyên	Nữ	31/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
436	43	25.01.13.1263	Tăng Quang Vinh	Nam	20/01/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
437	44	25.01.13.1265	Nguyễn Đức Vượng	Nam	21/07/1996	Tỉnh Nam Định	
438	45	25.01.13.1266	Trần Thị Như Ý	Nữ	27/03/1998	Tỉnh Lâm Đồng	
		NGÀNH: RĂNG HÀM MẶT					
		9					
439	1	25.01.32.1708	Nguyễn Đắc Bảo Chính	Nam	18/12/1993	Tỉnh Thừa Thiên Huế	
440	2	25.01.32.1709	Nguyễn Huỳnh Dũng	Nam	21/03/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
441	3	25.01.32.1710	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	13/07/1993	Tỉnh Phú Yên	
442	4	25.01.32.1711	Phạm Đình Hưng	Nam	24/08/1989	Tỉnh Đồng Nai	
443	5	25.01.32.1712	Nguyễn Văn Kiên	Nam	13/09/1994	Tỉnh Hà Tĩnh	
444	6	25.01.32.1713	Phan Minh Quang	Nam	08/02/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
445	7	25.01.32.1714	Trần Thị Hồng Thanh	Nữ	26/12/1980	Thành phố Hồ Chí Minh	
446	8	25.01.32.1715	Nguyễn Ngọc Anh Thi	Nữ	06/02/1992	Tỉnh Long An	
447	9	25.01.32.1717	Nguyễn Minh Tiến	Nam	30/04/1993	Tỉnh Trà Vinh	
		NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA					
		65					
448	1	25.01.15.1270	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	04/03/1997	Tỉnh Nghệ An	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
449	2	25.01.15.1273	Lê Hà	Bách	Nam	16/08/1997	Tỉnh Quảng Bình	
450	3	25.01.15.1274	Đỗ Thị Thanh	Bình	Nữ	18/12/1999	Tỉnh Khánh Hòa	
451	4	25.01.15.1275	Nguyễn Lưu	Bình	Nữ	22/02/1999	Tỉnh Bình Định	
452	5	25.01.15.1278	Nguyễn Thị Bích	Chi	Nữ	11/12/1985	Tỉnh Long An	
453	6	25.01.15.1280	Đoàn Thị Hồng	Chiêm	Nữ	27/05/1999	Tỉnh Thái Bình	
454	7	25.01.15.1282	Kim Thị	Chúc	Nữ	01/01/1997	Tỉnh Bình Thuận	
455	8	25.01.15.1285	Đoàn Thị Mỹ	Dung	Nữ	08/03/1991	Tỉnh Bình Phước	
456	9	25.01.15.1288	Phạm Thị Thuỳ	Dương	Nữ	21/01/1997	Tỉnh Quảng Trị	
457	10	25.01.15.1292	Nguyễn Tuấn	Dương	Nam	08/11/1999	Tỉnh Nam Định	
458	11	25.01.15.1297	Phan Thị Hồng	Gấm	Nữ	25/02/1994	Tỉnh Tiền Giang	
459	12	25.01.15.1299	Vũ Hà	Giang	Nữ	21/05/1999	Tỉnh Ninh Bình	
460	13	25.01.15.1301	Sơn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	03/06/1995	Tỉnh Vĩnh Long	
461	14	25.01.15.1307	Nguyễn Tự Kỳ	Hào	Nữ	15/04/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
462	15	25.01.15.1308	Hồ Nhật	Hạ	Nữ	04/02/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
463	16	25.01.15.1311	Lộc Thị Hồng	Hạnh	Nữ	23/03/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
464	17	25.01.15.1314	Quách Thị	Hân	Nữ	27/03/1998	Tỉnh Thanh Hóa	
465	18	25.01.15.1315	Lê Thị	Hiền	Nữ	10/11/1990	Tỉnh Bình Thuận	
466	19	25.01.15.1316	Võ Phạm Duy	Hiền	Nam	01/01/1996	Tỉnh Cà Mau	
467	20	25.01.15.1320	Trần Thị Khánh	Hoà	Nữ	29/10/1997	Tỉnh Quảng Ngãi	
468	21	25.01.15.1322	Đào Quốc	Huy	Nam	16/09/1996	Tỉnh Gia Lai	
469	22	25.01.15.1323	Thái Thị	Huyền	Nữ	21/07/1998	Tỉnh Nghệ An	
470	23	25.01.15.1324	Bùi Thị Ngọc	Huyền	Nữ	28/09/1997	Tỉnh Kon Tum	
471	24	25.01.15.1328	Tiêu Hoàng	Khải	Nam	20/01/1998	Tỉnh Đồng Nai	
472	25	25.01.15.1332	Lưu Nguyễn Thiên	Kim	Nữ	17/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
473	26	25.01.15.1333	Nguyễn Trọng Hoài	Lam	Nữ	28/10/1997	Tỉnh Đồng Tháp	
474	27	25.01.15.1334	Nguyễn Duy	Lâm	Nam	14/09/1994	Tỉnh Phú Yên	
475	28	25.01.15.1335	Huỳnh Duy	Lâm	Nam	30/05/1997	Tỉnh Quảng Nam	
476	29	25.01.15.1337	Trần Dương Yến	Linh	Nữ	28/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
477	30	25.01.15.1342	Hoàng Trần Ái	Linh	Nữ	04/08/1999	Tỉnh Gia Lai	
478	31	25.01.15.1346	Nguyễn Hữu	Lịch	Nam	12/06/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
479	32	25.01.15.1347	Lê Nguyễn Khánh	Loan	Nữ	12/08/1975	Thành phố Hồ Chí Minh	
480	33	25.01.15.1351	Võ Thành	Luân	Nam	15/01/1996	Tỉnh Bình Định	
481	34	25.01.15.1357	Nguyễn Trần Thảo	My	Nữ	07/04/1996	Tỉnh Đồng Nai	
482	35	25.01.15.1358	Trang Hoàng	My	Nữ	08/11/1997	Tỉnh Quảng Ngãi	
483	36	25.01.15.1359	Phạm Mai Hoàn	Mỹ	Nữ	28/09/1995	Tỉnh An Giang	
484	37	25.01.15.1366	Trương Thị Kim	Ngân	Nữ	26/04/1997	Tỉnh Long An	
485	38	25.01.15.1367	Nguyễn Ngọc Thu	Ngân	Nữ	28/11/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
486	39	25.01.15.1368	Lương Thúy	Ngọc	Nữ	03/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
487	40	25.01.15.1370	Bạch Đức Quang	Nguyễn	Nam	18/07/1996	Tỉnh Đắk Lắk	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
488	41	25.01.15.1374	Lý Thị	Nguyệt	Nữ	29/06/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
489	42	25.01.15.1375	Nguyễn Hoàng Hữu	Nhã	Nam	06/11/1998	Tỉnh Khánh Hòa	
490	43	25.01.15.1379	Nguyễn Trần Hồng	Nhung	Nữ	07/03/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
491	44	25.01.15.1382	Lương Văn	Nội	Nam	17/12/1996	Tỉnh Nghệ An	
492	45	25.01.15.1387	Đinh Nguyên	Phương	Nam	26/08/1997	Tỉnh Quảng Nam	
493	46	25.01.15.1389	Liều Thị	Phương	Nữ	23/08/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
494	47	25.01.15.1391	Lê Kỳ	Phương	Nữ	19/12/1996	QUẢNG NAM ĐÀ NẴNG	
495	48	25.01.15.1395	Đỗ Thị	Quý	Nữ	02/01/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
496	49	25.01.15.1398	Bùi Thị Thúy	Sương	Nữ	29/04/1995	Tỉnh Gia Lai	
497	50	25.01.15.1399	Nguyễn Thanh	Tâm	Nam	10/03/1991	Tỉnh Bình Phước	
498	51	25.01.15.1400	Trần Thiện	Tân	Nam	24/06/1998	Tỉnh Bình Thuận	
499	52	25.01.15.1406	Đỗ Thị Thu	Thảo	Nữ	01/07/1996	Tỉnh Gia Lai	
500	53	25.01.15.1409	Thạch Văn	Thiệu	Nam	07/08/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
501	54	25.01.15.1411	Lương Thị Thanh	Thủy	Nữ	14/06/1999	Tỉnh Nghệ An	
502	55	25.01.15.1415	Lê Thị Anh	Thư	Nữ	24/05/1986	Tỉnh Gia Lai	
503	56	25.01.15.1416	Quách Mỹ	Thương	Nữ	19/01/1994	Tỉnh Cà Mau	
504	57	25.01.15.1426	Trần Thị	Trang	Nữ	02/09/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	
505	58	25.01.15.1432	Phan Thị Huyền	Trân	Nữ	15/06/1998	Tỉnh Tiền Giang	
506	59	25.01.15.1440	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	30/07/1997	Tỉnh Trà Vinh	
507	60	25.01.15.1442	Lưu Như	Tú	Nam	24/07/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	
508	61	25.01.15.1445	Lương Long	Tường	Nam	16/09/1997	Tỉnh An Giang	
509	62	25.01.15.1448	Nguyễn Ngọc Nhi	Uyên	Nữ	07/09/1998	Tỉnh Bình Thuận	
510	63	25.01.15.1451	Huỳnh Thị Thảo	Uyên	Nữ	12/05/1996	Tỉnh Ninh Thuận	
511	64	25.01.15.1452	Nguyễn Huyền Thanh	Vân	Nữ	09/11/1997	Tỉnh Trà Vinh	
512	65	25.01.15.1454	Nguyễn Thị Ái	Vi	Nữ	26/08/1998	Tỉnh Quảng Bình	
NGÀNH: TAI – MŨI – HỌNG 30								
513	1	25.01.16.1465	Trương Chí	Cường	Nam	15/10/1999	Tỉnh Kiên Giang	
514	2	25.01.16.1466	Lê Mạnh	Cường	Nam	18/07/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
515	3	25.01.16.1467	Bùi Ngọc	Du	Nam	05/05/1996	Tỉnh Lâm Đồng	
516	4	25.01.16.1470	Trần Thị	Hà	Nữ	27/03/1986	Tỉnh Nghệ An	
517	5	25.01.16.1471	Trần Thị Mỹ	Hào	Nữ	04/01/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
518	6	25.01.16.1473	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	26/01/1998	VĨNH PHÚ	
519	7	25.01.16.1474	Lê Văn	Hiệp	Nam	25/05/1996	Thành phố Đà Nẵng	
520	8	25.01.16.1475	Võ Minh	Hoàng	Nam	03/10/1997	Tỉnh Gia Lai	
521	9	25.01.16.1476	Nguyễn Tấn	Hung	Nam	14/11/1997	Tỉnh An Giang	
522	10	25.01.16.1478	Trương Ngọc	Khoa	Nam	06/06/1995	Tỉnh Bình Định	
523	11	25.01.16.1480	Trương Vinh	Kiệt	Nam	04/05/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
524	12	25.01.16.1481	Chu Nguyễn	Lãm	Nam	18/03/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
525	13	25.01.16.1482	Lý Thanh	Lệ	Nam	26/08/1994	Tỉnh Sóc Trăng	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
526	14	25.01.16.1484	Nguyễn Phi	Long	Nam	05/05/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
527	15	25.01.16.1487	Vũ Hồng	Nhung	Nữ	21/10/1998	Tỉnh Ninh Bình	
528	16	25.01.16.1488	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	20/02/1998	Tỉnh Bình Thuận	
529	17	25.01.16.1490	Kiều Lê	Phong	Nam	10/05/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
530	18	25.01.16.1491	Nguyễn Vũ	Quang	Nam	17/09/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
531	19	25.01.16.1492	Ngô Văn	Sắc	Nam	01/12/1996	Thành phố Đà Nẵng	
532	20	25.01.16.1493	Lương Công	Son	Nam	12/04/1993	Tỉnh Bình Thuận	
533	21	25.01.16.1494	Nguyễn Trần Nhật	Tân	Nam	21/03/1998	Tỉnh Bình Định	
534	22	25.01.16.1496	Bùi Minh	Thái	Nam	15/05/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
535	23	25.01.16.1498	Châu Hoàn	Thiện	Nam	24/12/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
536	24	25.01.16.1499	Nguyễn Chí	Thông	Nam	17/09/1997	Tỉnh Cà Mau	
537	25	25.01.16.1501	Đình Xuân	Thượng	Nam	05/07/1990	Tỉnh Nam Định	
538	26	25.01.16.1503	Hoàng Thị Như	Trang	Nữ	08/05/1990	Tỉnh Lâm Đồng	
539	27	25.01.16.1504	Đỗ Thị Thùy	Trang	Nữ	26/05/1995	Tỉnh Bắc Giang	
540	28	25.01.16.1505	Ngô Minh	Trí	Nam	28/11/1992	Tỉnh Bạc Liêu	
541	29	25.01.16.1506	Trần Thị Thanh	Trúc	Nữ	24/01/1988	Tỉnh Bình Dương	
542	30	25.01.16.1507	Lê Tường	Vi	Nữ	27/12/1997	Tỉnh An Giang	
		NGÀNH: TÂM THẦN 19						
543	1	25.01.18.1552	Trần Thiện	Bình	Nam	06/10/1998	Tỉnh Bến Tre	
544	2	25.01.18.1553	Nguyễn Thị	Diễn	Nữ	08/03/1980	Thành phố Hồ Chí Minh	
545	3	25.01.18.1554	Trần Thanh	Dũng	Nam	26/02/1991	Tỉnh Bình Định	
546	4	25.01.18.1555	Lê Phạm Hoàng	Hiệp	Nam	20/11/1995	Tỉnh Vĩnh Long	
547	5	25.01.18.1556	Lâm Nguyễn Kim	Hồng	Nữ	09/11/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
548	6	25.01.18.1558	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	Nữ	16/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
549	7	25.01.18.1559	K'	Hương	Nữ	19/06/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
550	8	25.01.18.1560	Thị	Kiều	Nữ	08/01/1993	Tỉnh Kiên Giang	
551	9	25.01.18.1561	K'	Minh	Nam	1/6/1993	Tỉnh Lâm Đồng	
552	10	25.01.18.1562	Đoàn Diễm	Mỹ	Nữ	28/08/1998	Tỉnh Cà Mau	
553	11	25.01.18.1563	Phan Hồng	Ngọc	Nữ	12/05/1999	Tỉnh Phú Yên	
554	12	25.01.18.1564	Biện Thị Bích	Ngọc	Nữ	10/10/1991	Tỉnh Phú Yên	
555	13	25.01.18.1565	Lê Thị Thu	Nhi	Nữ	27/09/1995	Tỉnh Thanh Hóa	
556	14	25.01.18.1567	Trần Mai	Phương	Nữ	07/06/1985	Tỉnh Tây Ninh	
557	15	25.01.18.1568	Trần	Phương	Nam	25/11/1995	Tỉnh Đồng Nai	
558	16	25.01.18.1569	Huỳnh Trí	Quân	Nam	20/07/1997	Tỉnh Bình Định	
559	17	25.01.18.1571	Khuất Hoàng Bảo	Trần	Nữ	24/05/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
560	18	25.01.18.1573	Trần Văn	Tùng	Nam	08/09/1989	Tỉnh Nghệ An	
561	19	25.01.18.1574	Nguyễn Hồ Tuyết	Vy	Nữ	27/10/1996	Tỉnh Bình Định	
		NGÀNH: TỔ CHỨC QUẢN LÝ DƯỢC 17						
562	1	25.01.40.1690	Nguyễn Quang	Chung	Nam	14/09/1990	Tỉnh Bình Định	

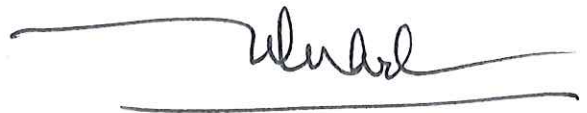
STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
563	2	25.01.40.1692	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	31/12/1978	Thành phố Hồ Chí Minh	
564	3	25.01.40.1693	Trương Ngọc	Liêm	Nữ	30/03/1993	Tỉnh Phú Yên	
565	4	25.01.40.1694	Hồ Thị Quỳnh	Loan	Nữ	24/03/1979	Thành phố Hồ Chí Minh	
566	5	25.01.40.1695	Cái Thị	Lượng	Nữ	02/06/1996	Tỉnh Tây Ninh	
567	6	25.01.40.1696	Lê Thị Yến	Oanh	Nữ	20/02/1987	Tỉnh Tiền Giang	
568	7	25.01.40.1697	Nguyễn Thị Hồng	Oanh	Nữ	13/08/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
569	8	25.01.40.1698	Đặng Minh	Quang	Nam	20/09/1989	Tỉnh Tiền Giang	
570	9	25.01.40.1699	Trương Bửu	Tài	Nam	11/10/1989	Tỉnh Kiên Giang	
571	10	25.01.40.1700	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	01/10/1990	Tỉnh Tiền Giang	
572	11	25.01.40.1701	Nguyễn Quang	Thái	Nam	04/01/1995	Tỉnh Vĩnh Long	
573	12	25.01.40.1702	Trần Thụy Hoàng	Thy	Nữ	10/11/1986	Thành phố Hồ Chí Minh	
574	13	25.01.40.1703	Nguyễn Song Bảo	Trâm	Nữ	18/11/1980	Tỉnh Lâm Đồng	
575	14	25.01.40.1704	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	06/11/1986	Tỉnh Bến Tre	
576	15	25.01.40.1705	Lê Đình Phương	Tuyển	Nữ	20/09/1982	Thành phố Hồ Chí Minh	
577	16	25.01.40.1706	Mang Thanh	Tú	Nam	20/07/1998	Tỉnh Khánh Hòa	
578	17	25.01.40.1707	Đình Hoàng	Yến	Nữ	02/04/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: THẦN KINH21						
579	1	25.01.17.1509	Bùi Đức	An	Nam	03/07/1990	Tỉnh Lâm Đồng	
580	2	25.01.17.1512	Vũ Trần Công	Danh	Nam	02/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
581	3	25.01.17.1515	Đặng Minh	Dũng	Nam	15/06/1970	Tỉnh Bình Thuận	
582	4	25.01.17.1516	Nguyễn Hữu	Đan	Nam	02/06/1996	Tỉnh Bình Thuận	
583	5	25.01.17.1520	Bùi Thị	Hoài	Nữ	30/12/1994	Tỉnh Thanh Hóa	
584	6	25.01.17.1521	Hồ Xuân Minh	Hoàng	Nam	12/07/1993	Tỉnh Đồng Nai	
585	7	25.01.17.1523	Bùi Thị Thu	Hương	Nữ	29/04/1997	Tỉnh Đồng Nai	
586	8	25.01.17.1526	Phạm Lê Hoàng	Long	Nam	29/11/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
587	9	25.01.17.1528	Nguyễn Thái Thùy	Ngân	Nữ	11/05/1996	Tỉnh Khánh Hòa	
588	10	25.01.17.1529	Mai Phạm Bảo	Ngọc	Nữ	15/09/1997	Tỉnh Đồng Nai	
589	11	25.01.17.1532	Lê Nguyễn Hoàng	Oanh	Nữ	22/11/1996	Tỉnh Long An	
590	12	25.01.17.1533	Trần Vũ Hoài	Phong	Nam	08/07/1989	Tỉnh Ninh Thuận	
591	13	25.01.17.1534	Nguyễn Văn	Phúc	Nam	27/06/1996	Tỉnh Nam Hà	
592	14	25.01.17.1536	Võ Nguyên	Quốc	Nam	04/01/1995	Tỉnh Tây Ninh	
593	15	25.01.17.1537	Đặng Thị Kim	Quới	Nữ	09/04/1995	Tỉnh Kiên Giang	
594	16	25.01.17.1541	Trần Văn	Tào	Nam	28/06/1995	Tỉnh Quảng Trị	
595	17	25.01.17.1542	Từ Tuấn	Thành	Nam	19/11/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
596	18	25.01.17.1547	Nguyễn Thị Nhật	Thu	Nữ	04/05/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	
597	19	25.01.17.1548	Nguyễn Văn	Thuận	Nam	06/12/1995	Tỉnh Gia Lai	
598	20	25.01.17.1550	Cao Đăng	Tuyên	Nam	29/10/1996	Tỉnh Bình Dương	
599	21	25.01.17.1551	Trần Thị Bích	Vân	Nữ	09/12/1995	Tỉnh Kiên Giang	
		NGÀNH: TRUYỀN NHIỄM12						

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
600	1	25.01.19.1579	Lê Thị Huyền	Ấn	Nữ	28/01/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
601	2	25.01.19.1580	Đỗ Quang	Hải	Nam	11/07/1995	Tỉnh Hưng Yên	
602	3	25.01.19.1581	Phan Diễm	Hoài	Nữ	14/10/1993	Tỉnh Gia Lai	
603	4	25.01.19.1583	Nguyễn Phú	Khánh	Nam	11/05/1993	Tỉnh Lâm Đồng	
604	5	25.01.19.1586	Cao Nguyễn Quỳnh	Mai	Nữ	13/07/1997	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
605	6	25.01.19.1587	Lê Thị Thùy	Ngân	Nữ	26/09/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
606	7	25.01.19.1588	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	Nữ	24/11/1996	Tỉnh Tiền Giang	
607	8	25.01.19.1590	Lê Ngọc Thanh	Nhân	Nữ	26/12/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
608	9	25.01.19.1592	Lê Mậu Thiên	Phúc	Nam	29/01/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
609	10	25.01.19.1594	Vũ Văn	Quân	Nam	03/11/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
610	11	25.01.19.1596	Lê Phạm Phương	Trình	Nữ	01/02/1997	Tỉnh Phú Yên	
611	12	25.01.19.1600	Nguyễn Văn	Vĩnh	Nam	20/07/1982	Tỉnh Nam Định	
		NGÀNH: UNG BUỒU 7						
612	1	25.01.20.1605	Nguyễn Thái	Hòa	Nam	14/10/1998	Tỉnh Bình Dương	
613	2	25.01.20.1608	Nguyễn Thái Bảo	Ngọc	Nữ	29/11/1998	Tỉnh Vĩnh Long	
614	3	25.01.20.1611	Dương Hoàng Nhật	Quang	Nam	16/06/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
615	4	25.01.20.1613	Huỳnh Thị Thu	Thảo	Nữ	04/09/1998	Tỉnh Vĩnh Long	
616	5	25.01.20.1614	Châu Minh	Thoại	Nam	07/08/1996	Tỉnh Gia Lai	
617	6	25.01.20.1615	Châu Thị Thanh	Thúy	Nữ	10/12/1994	Tỉnh Ninh Thuận	
618	7	25.01.20.1616	Huỳnh Thanh	Trúc	Nữ	28/05/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: XÉT NGHIỆM Y HỌC 13						
619	1	25.01.21.1617	Trịnh Văn	Được	Nam	25/02/1970	Tỉnh Thái Bình	
620	2	25.01.21.1618	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	20/05/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
621	3	25.01.21.1619	Hà Thọ Minh	Huyền	Nữ	23/07/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
622	4	25.01.21.1620	Đặng Thành	Long	Nam	22/11/1997	Tỉnh Gia Lai	
623	5	25.01.21.1621	Đinh Thị Ngọc	Lợi	Nữ	15/02/1995	Tỉnh Bình Định	
624	6	25.01.21.1622	Lê Thùy Phương	Ngân	Nữ	03/11/1999	Tỉnh Lâm Đồng	
625	7	25.01.21.1623	Lê Thị Thanh	Nhã	Nữ	18/03/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
626	8	25.01.21.1624	Vũ Thị Huỳnh	Như	Nữ	02/10/1995	Tỉnh Trà Vinh	
627	9	25.01.21.1625	Lê Hoàng	Quân	Nam	17/03/1996	Tỉnh Gia Lai	
628	10	25.01.21.1626	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	01/01/2000	Tỉnh Bến Tre	
629	11	25.01.21.1627	Nguyễn Bảo	Thương	Nam	10/07/1995	Tỉnh Bình Định	
630	12	25.01.21.1628	Phạm Thị Tú	Trình	Nữ	30/03/1988	Tỉnh Bến Tre	
631	13	25.01.21.1629	Đỗ Đặng Thanh	Tuyền	Nữ	21/03/1983	Tỉnh Cửu Long	
		NGÀNH: Y HỌC GIA ĐÌNH 30						
632	1	25.01.22.1634	Huỳnh Tiểu	Đào	Nữ	12/9/1994	Tỉnh Đồng Tháp	
633	2	25.01.22.1635	Đàm Thị Thu	Hà	Nữ	10/10/1998	Tỉnh Cao Bằng	
634	3	25.01.22.1636	Nguyễn Thị Khánh	Hòa	Nữ	24/09/1995	Tỉnh Quảng Trị	
635	4	25.01.22.1637	Văn Công	Khang	Nam	28/8/1997	Tỉnh Đồng Tháp	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
636	5	25.01.22.1638	Trần Huỳnh Lan	Nữ	01/02/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
637	6	25.01.22.1640	Lê Thị Hoài Linh	Nữ	22/8/1996	Tỉnh Quảng Trị	
638	7	25.01.22.1642	Nguyễn Thị Thuý	Nữ	28/02/1992	Tỉnh Lâm Đồng	
639	8	25.01.22.1644	Lê Thị Phương Loan	Nữ	07/01/1994	Tỉnh Ninh Thuận	
640	9	25.01.22.1645	Nguyễn Văn Lợi	Nam	19/10/1995	Tỉnh Kiên Giang	
641	10	25.01.22.1646	Trần Thị Mỹ Lợi	Nữ	02/03/1997	Tỉnh Bình Thuận	
642	11	25.01.22.1647	Nguyễn Thị Bích Luận	Nữ	26/02/1996	Tỉnh Phú Yên	
643	12	25.01.22.1648	Đoàn Vũ Lực	Nam	20/03/1996	Tỉnh Quảng Bình	
644	13	25.01.22.1651	Lê Tấn Nghĩa	Nam	20/01/1996	QUẢNG NAM ĐÀ NẴNG	
645	14	25.01.22.1652	Đặng Vũ Minh Ngọc	Nữ	17/09/1996	Tỉnh Lâm Đồng	
646	15	25.01.22.1653	Lê Thị Ngọc	Nữ	13/12/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	
647	16	25.01.22.1655	Điêu Minh Nhật	Nam	09/01/1994	Tỉnh Bình Thuận	
648	17	25.01.22.1657	Tăng Văn Phú	Nam	16/08/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
649	18	25.01.22.1658	Võ Hoàng Phúc	Nam	11/11/1999	Tỉnh Bến Tre	
650	19	25.01.22.1659	Nguyễn Đăng Quang	Nam	13/07/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
651	20	25.01.22.1660	Huỳnh Ngọc Minh Quân	Nam	27/07/1998	Tỉnh Đồng Nai	
652	21	25.01.22.1662	Nguyễn Hữu Tài	Nam	27/11/1998	Thành phố Cần Thơ	
653	22	25.01.22.1663	Nguyễn Thuý Kim Thanh	Nữ	06/01/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
654	23	25.01.22.1664	Nông Thị Thu Thảo	Nữ	24/09/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
655	24	25.01.22.1665	Nguyễn Hồng Thắm	Nữ	01/10/1997	Tỉnh Long An	
656	25	25.01.22.1666	Phạm Thị Thương	Nữ	31/12/1991	Thành phố Cần Thơ	
657	26	25.01.22.1668	Nguyễn Thị Trang	Nữ	10/08/1995	Tỉnh Nghệ An	
658	27	25.01.22.1669	Phan Đình Vĩnh Trâm	Nữ	01/01/1995	Tỉnh Tiền Giang	
659	28	25.01.22.1670	Nguyễn Thị Hồng Trâm	Nữ	07/02/1998	Tỉnh Quảng Ngãi	
660	29	25.01.22.1672	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	24/12/1996	Tỉnh Bình Định	
661	30	25.01.22.1675	Nguyễn Thị Thanh Yến	Nữ	23/09/1999	Tỉnh Bình Định	

Danh sách có 661 thí sinh trúng tuyển./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC



PGS. TS. DS. Nguyễn Đăng Thoại
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH ĐIỀU HÀNH



DANH SÁCH TRUNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA CẤP II

(Kèm Quyết định số 3889...../QĐ-TĐHYKPNT ngày ...01. tháng 10... năm 2025
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH 15						
1	1	25.02.01.0001	Nguyễn Thị Thu	Anh	Nữ	05/11/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
2	2	25.02.01.0006	Đào Xuân	Hà	Nữ	13/02/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
3	3	25.02.01.0007	Trần Đức	Hải	Nam	24/01/1992	Tỉnh Khánh Hòa	
4	4	25.02.01.0010	Trần Nam	Hưng	Nam	12/10/1987	Tỉnh Nam Định	
5	5	25.02.01.0013	Nguyễn Thị Kiều	Khanh	Nữ	15/05/1988	Tỉnh Tiền Giang	
6	6	25.02.01.0014	Nguyễn Tiến	Khanh	Nam	02/10/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
7	7	25.02.01.0016	Tô Khải	Liêl	Nam	19/05/1980	Tỉnh Cà Mau	
8	8	25.02.01.0017	Nguyễn Ngọc	Lương	Nam	17/3/1982	Trạm y tế Xã Vạn Kim, Xã Vạn Kim - Mỹ Đức - Hà Tây	
9	9	25.02.01.0020	Phạm Minh	Quang	Nam	04/02/1992	Thành phố Đà Nẵng	
10	10	25.02.01.0022	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	19/06/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
11	11	25.02.01.0023	Nguyễn Hoàng Quế	Thanh	Nữ	12/11/1982	Tỉnh Gia Lai	
12	12	25.02.01.0024	Tôn Long Hoàng	Thân	Nam	20/05/1991	Tỉnh Quảng Ngãi	
13	13	25.02.01.0025	Thiều Văn	Thiện	Nam	18/6/1983	Tỉnh An Giang	
14	14	25.02.01.0027	Võ Hưng Anh	Thư	Nữ	21/01/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
15	15	25.02.01.0031	Lê Nguyễn Thảo	Uyên	Nữ	21/11/1993	Quảng Nam-Đà Nẵng	
		NGÀNH: CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH 18						
16	1	25.02.02.0033	Phạm Ngọc	Anh	Nam	30/07/1993	Tỉnh Đồng Nai	
17	2	25.02.02.0036	Đàm Thanh	Dương	Nam	05/07/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
18	3	25.02.02.0037	Đinh Quốc	Đạt	Nam	30/09/1990	Tỉnh Bình Định	
19	4	25.02.02.0040	Lê Trung	Hiếu	Nam	20/03/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
20	5	25.02.02.0043	Nguyễn Thiện	Hoàng	Nam	22/11/1986	Tỉnh Nghệ An	
21	6	25.02.02.0046	Trần Quang	Khanh	Nam	26/05/1994	Tỉnh Bình Định	
22	7	25.02.02.0048	Nguyễn Văn	Ơn	Nam	11/05/1990	Tỉnh Đồng Tháp	
23	8	25.02.02.0049	Lê Đăng	Phong	Nam	26/08/1993	Tỉnh Bình Thuận	
24	9	25.02.02.0050	Nguyễn Văn	Phụng	Nam	17/03/1993	Tỉnh Tây Ninh	
25	10	25.02.02.0051	Lê Anh	Son	Nam	20/01/1983	Tỉnh Hà Tĩnh	
26	11	25.02.02.0053	Nguyễn Phước	Thành	Nam	19/05/1992	Tỉnh Bình Định	
27	12	25.02.02.0054	Huỳnh Tấn	Thịnh	Nam	24/08/1985	Tỉnh Quảng Ngãi	
28	13	25.02.02.0055	Nguyễn Tất Bảo	Thịnh	Nam	02/10/1987	Thành phố Đà Nẵng	
29	14	25.02.02.0056	Nguyễn Thiện	Thuật	Nam	10/08/1981	Tỉnh Bến Tre	
30	15	25.02.02.0057	Nguyễn Văn	Tịnh	Nam	04/01/1987	Tỉnh Thừa Thiên Huế	
31	16	25.02.02.0059	Nguyễn Thế	Tuân	Nam	30/09/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
32	17	25.02.02.0062	Nguyễn Văn	Việt	Nam	16/08/1987	Tỉnh Nghệ An	
33	18	25.02.02.0064	Lê Danh	Xuân	Nam	20/04/1992	Tỉnh Thanh Hóa	
		NGÀNH: DA LIỄU 6						
34	1	25.02.03.0065	Trần Thị Phương	Anh	Nữ	16/8/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
35	2	25.02.03.0068	Phạm Quang	Đạt	Nam	02/11/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
36	3	25.02.03.0071	Đinh Ngọc	Liên	Nữ	16/10/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
37	4	25.02.03.0075	Nguyễn Minh	Quang	Nam	27/04/1993	Tỉnh Vĩnh Long	
38	5	25.02.03.0077	Nguyễn Đoàn	Quỳnh	Nữ	12/06/1990	Quảng Nam Đà Nẵng	
39	6	25.02.03.0081	Thái Lê Minh	Trí	Nam	11/12/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: HUYẾT HỌC 2						
40	1	25.02.07.0087	Hoàng Duy	Nam	Nam	20/01/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
41	2	25.02.07.0088	Mã Xuân	Tuấn	Nam	22/05/1991	Bình Phước	
		NGÀNH: LÃO KHOA 7						
42	1	25.02.39.0089	Võ Minh	Cường	Nam	30/06/1985	Tỉnh Tiền Giang	
43	2	25.02.39.0090	Nguyễn Thị Phương	Dung	Nữ	03/06/1988	Hà Tây	
44	3	25.02.39.0091	Hoàng Thái	Dương	Nam	06/12/1985	Bình Định	
45	4	25.02.39.0092	Phạm Thị Hà	Giang	Nữ	23/02/1986	Tỉnh Quảng Bình	
46	5	25.02.39.0093	Hoàng Thị Kiều	Hoa	Nữ	30/06/1985	Sông Bé	
47	6	25.02.39.0095	Phạm Thị Diễm	Thảo	Nữ	12/09/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
48	7	25.02.39.0096	Lê Thị Minh	Thạch	Nữ	29/08/1990	Tỉnh Tây Ninh	
		NGÀNH: NỘI TIM MẠCH 19						
49	1	25.02.11.0160	Bùi Tuấn	Anh	Nam	25/02/1993	Tỉnh Ninh Thuận	
50	2	25.02.11.0161	Nguyễn Hoàng Tuấn	Anh	Nam	07/10/1986	Thành phố Hồ Chí Minh	
51	3	25.02.11.0162	Phạm Công	Danh	Nam	08/01/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
52	4	25.02.11.0163	Hồ Thanh	Hung	Nam	15/04/1982	Thành phố Hồ Chí Minh	
53	5	25.02.11.0165	Nguyễn Phạm Diễm	Kiều	Nữ	04/01/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	
54	6	25.02.11.0166	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	15/10/1982	Tỉnh Long An	
55	7	25.02.11.0168	Lê	Minh	Nam	11/11/1978	Tỉnh Bình Thuận	
56	8	25.02.11.0169	Trần Đại	Nghĩa	Nam	25/12/1994	Gia Lai	
57	9	25.02.11.0170	Nguyễn Thụy Hải	Nguyên	Nữ	19/05/1983	Tỉnh Tây Ninh	
58	10	25.02.11.0172	Nguyễn Ngọc	Thành	Nam	18/05/1986	Tỉnh Nghệ An	
59	11	25.02.11.0173	Lý Hoàng	Thông	Nam	01/01/1990	Tỉnh Sóc Trăng	
60	12	25.02.11.0174	Nguyễn Hữu	Tín	Nam	22/12/1991	Hà Tây	
61	13	25.02.11.0175	Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	10/05/1986	Tỉnh Lâm Đồng	
62	14	25.02.11.0176	Trần Thu	Trang	Nữ	06/07/1982	Thành phố Hồ Chí Minh	
63	15	25.02.11.0178	Phan Minh	Trung	Nam	22/07/1990	Tỉnh Bình Định	
64	16	25.02.11.0179	Nguyễn Tất	Trung	Nam	15/01/1992	Tỉnh Nghệ An	
65	17	25.02.11.0180	Lê Văn	Tuyển	Nam	14/02/1993	Tỉnh Thừa Thiên Huế	
66	18	25.02.11.0181	Trần Thế	Vinh	Nam	03/01/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
67	19	25.02.11.0182	Đình Quang	Vinh	Nam	12/12/1992	Tỉnh Đắk Lắk	
		NGÀNH: NỘI TỔNG QUÁT						
		22						
68	1	25.02.10.0184	Kim Tường	An	Nữ	31/08/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
69	2	25.02.10.0185	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Nữ	06/09/1981	Tỉnh Bình Trị Thiên	
70	3	25.02.10.0187	Phạm Hoài	Dũng	Nam	10/06/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
71	4	25.02.10.0188	Phạm Vũ Minh	Đình	Nam	08/09/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
72	5	25.02.10.0190	Phạm Thị Thanh	Hằng	Nữ	27/02/1982	Thành phố Hồ Chí Minh	
73	6	25.02.10.0191	Phạm Văn	Hoàng	Nam	14/08/1994	Tỉnh Phú Yên	
74	7	25.02.10.0192	Kim Thị Hoàng	Huyền	Nữ	24/07/1992	Tỉnh Trà Vinh	
75	8	25.02.10.0193	Nguyễn Phan Thảo	Lan	Nữ	10/04/1993	Tỉnh Phú Yên	
76	9	25.02.10.0194	Hoàng Mỹ	Linh	Nữ	26/07/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
77	10	25.02.10.0195	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	30/03/1993	Tỉnh Long An	
78	11	25.02.10.0196	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	02/06/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
79	12	25.02.10.0197	Nguyễn Minh	Phong	Nam	27/12/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
80	13	25.02.10.0198	Trương Như	Quân	Nam	26/03/1984	Tỉnh Nghệ An	
81	14	25.02.10.0199	Nguyễn Phan Anh	Quốc	Nam	21/06/1992	Tỉnh Quảng Nam	
82	15	25.02.10.0200	Võ Hà Băng	Sương	Nữ	20/10/1978	Tỉnh Quảng Trị	
83	16	25.02.10.0201	Trần Tấn	Tài	Nam	20/07/1987	Tỉnh Cà Mau	
84	17	25.02.10.0202	Lê Đình	Thế	Nam	26/11/1980	Tỉnh Nghệ An	
85	18	25.02.10.0203	Ngô Quốc	Thịnh	Nam	06/11/1988	Tỉnh Bến Tre	
86	19	25.02.10.0204	Phan Chí	Thịnh	Nam	25/07/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
87	20	25.02.10.0205	Phạm Quang	Toàn	Nam	13/02/1984	Tỉnh Bến Tre	
88	21	25.02.10.0206	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	Nữ	28/08/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
89	22	25.02.10.0207	Trần Thị Kim	Trúc	Nữ	28/09/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: NGOẠI LÒNG NGỰC						
		5						
90	1	25.02.33.0099	Nguyễn Đắc	Khoa	Nam	19/3/1988	Quảng Nam Đà Nẵng	
91	2	25.02.33.0100	Hoàng Nguyễn Quang	Minh	Nam	06/05/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
92	3	25.02.33.0101	Phan Văn	Thắng	Nam	19/05/1993	Tỉnh Quảng Bình	
93	4	25.02.33.0102	Nguyễn Thành	Trung	Nam	29/10/1993	Tỉnh Tây Ninh	
94	5	25.02.33.0103	Nguyễn Hồng	Tùng	Nam	18/07/1987	Tỉnh Hà Tĩnh	
		NGÀNH: NGOẠI TIẾT NIỆU						
		10						
95	1	25.02.34.0104	Võ Minh	Đạt	Nam	07/08/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
96	2	25.02.34.0105	Nguyễn Lê Quý	Đông	Nam	06/12/1986	Thành phố Hồ Chí Minh	
97	3	25.02.34.0106	Dương Phúc	Hải	Nam	08/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
98	4	25.02.34.0107	Dương Đăng	Hiếu	Nam	27/10/1994	Thành Phố Huế	
99	5	25.02.34.0108	Võ Thị Thanh	Huyền	Nữ	27/12/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
100	6	25.02.34.0109	Nguyễn Văn	Khoa	Nam	06/12/1989	Tỉnh Trà Vinh	
101	7	25.02.34.0110	Trần Ngọc Thảo	Linh	Nữ	24/12/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
102	8	25.02.34.0112	Lê Văn	Mỹ	Nam	30/04/1989	Dak Lak	

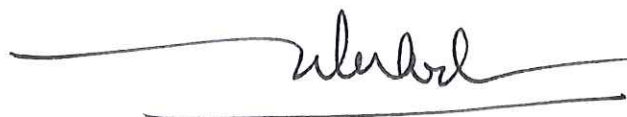
STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
103	9	25.02.34.0113	Bùi Quan Thiên	Phú	Nam	20/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
104	10	25.02.34.0115	Đình Quang	Tín	Nam	14/10/1990	Tỉnh Bình Định	
		NGÀNH: NGOẠI TỔNG QUÁT						
						14		
105	1	25.02.12.0116	Ngô Trường Hoàng	An	Nam	08/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
106	2	25.02.12.0117	Nguyễn Hoài Nhật	Duy	Nam	02/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
107	3	25.02.12.0118	Mai Văn	Dũng	Nam	02/08/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
108	4	25.02.12.0119	Nguyễn Nguyên	Đức	Nam	26/03/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
109	5	25.02.12.0120	Trịnh Hoàng Minh	Đức	Nam	08/10/1996	Tỉnh Thái Nguyên	
110	6	25.02.12.0121	Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	01/01/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
111	7	25.02.12.0122	Nguyễn Đức	Hung	Nam	18/08/1986	Tỉnh Bạc Liêu	
112	8	25.02.12.0123	Nguyễn Hoàng	Khánh	Nam	06/04/1988	Tỉnh Long An	
113	9	25.02.12.0124	Nguyễn Hoài	Kim	Nam	02/07/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
114	10	25.02.12.0125	Phạm Trần Cao	Nguyên	Nam	16/04/1985	Tỉnh Đắk Lắk	
115	11	25.02.12.0126	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	26/11/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
116	12	25.02.12.0127	Trần Hoàng	Nhật	Nam	06/08/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
117	13	25.02.12.0128	Trần Minh	Thiện	Nam	28/09/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
118	14	25.02.12.0129	Nguyễn Phúc Minh	Tuệ	Nam	01/11/1979	Tỉnh Bình Thuận	
		NGÀNH: NHÂN KHOA						
						9		
119	1	25.02.08.0130	Nguyễn Trịnh Bảo	An	Nam	13/12/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
120	2	25.02.08.0131	Lê Thiệu	Du	Nam	13/05/1979	Tỉnh Tây Ninh	
121	3	25.02.08.0132	Nguyễn Đức	Huy	Nam	08/07/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
122	4	25.02.08.0133	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	26/04/1985	Tỉnh Khánh Hòa	
123	5	25.02.08.0134	Đào Thị Phương	Linh	Nữ	21/01/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
124	6	25.02.08.0135	Nguyễn Minh	Ngọc	Nữ	16/07/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
125	7	25.02.08.0136	Trần Thị Bảo	Ngọc	Nữ	03/11/1986	Thành phố Hồ Chí Minh	
126	8	25.02.08.0137	Nguyễn Đức Trường	Xuân	Nam	26/11/1965	Tỉnh Tây Ninh	
127	9	25.02.08.0138	Bùi Hải	Yến	Nữ	06/04/1988	Tỉnh Đắk Lắk	
		NGÀNH: NHI KHOA						
						8		
128	1	25.02.09.0140	Bùi Bách	Đạt	Nam	10/11/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
129	2	25.02.09.0141	Lê Minh	Hiếu	Nam	05/10/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
130	3	25.02.09.0143	Nhâm Hải	Hoàng	Nam	11/10/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
131	4	25.02.09.0149	Nguyễn Thị Yến	Ngân	Nữ	22/12/1988	Tỉnh Tiền Giang	
132	5	25.02.09.0152	Lâm Lê	Phương	Nữ	12/08/1990	Tỉnh Quảng Ngãi	
133	6	25.02.09.0156	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	09/09/1995	Hà Tây (Hà Nội)	
134	7	25.02.09.0158	Phạm Đỗ	Uyên	Nữ	19/04/1987	Tỉnh Bến Tre	
135	8	25.02.09.0159	Nguyễn Trần Anh	Vũ	Nam	21/12/1987	Bình Trị Thiên	
		NGÀNH: PHẪU THUẬT TẠO HÌNH - THẨM MỸ						
						7		
136	1	25.02.13.0208	Vũ Ngọc	Anh	Nam	12/03/1993	Tỉnh Thanh Hóa	
137	2	25.02.13.0214	Phạm Thành	Nam	Nam	24/10/1990	Tỉnh Đắk Lắk	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
138	3	25.02.13.0215	Nguyễn Thị Ngọc	Ngà	Nữ	31/07/1982	Thành phố Hồ Chí Minh	
139	4	25.02.13.0216	Phan Võ Thy	Ngân	Nữ	23/10/1995	Tỉnh Vĩnh Long	
140	5	25.02.13.0217	Trần Lê Hồng	Ngọc	Nữ	13/12/1983	Tỉnh Thừa Thiên Huế	
141	6	25.02.13.0218	Nguyễn Hồng	Nhân	Nam	18/12/1986	Tỉnh Gia Lai	
142	7	25.02.13.0220	Đỗ Đăng	Trường	Nam	20/02/1995	Tỉnh Bình Thuận	
NGÀNH: QUẢN LÝ Y TẾ 10								
143	1	25.02.14.0222	Đào Huy	Ái	Nam	09/09/1971	Tỉnh Gia Lai	
144	2	25.02.14.0223	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	Nữ	30/5/1981	Thành phố Hồ Chí Minh	
145	3	25.02.14.0224	Đình Văn	Được	Nam	11/10/1968	Tỉnh Bình Định	
146	4	25.02.14.0227	Võ Trọng	Nghĩa	Nam	16/01/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
147	5	25.02.14.0228	Từ Mẫn	Nhi	Nữ	02/12/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
148	6	25.02.14.0229	Cao Hùng	Phong	Nam	20/10/1979	Tỉnh Bến Tre	
149	7	25.02.14.0230	Nguyễn Phạm Nhật	Thi	Nữ	30/03/1992	Quảng Nam Đà Nẵng	
150	8	25.02.14.0231	Nguyễn Thị Bích	Thủy	Nữ	28/11/1985	Tỉnh Đắk Lắk	
151	9	25.02.14.0232	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	30/01/1975	Tỉnh Quảng Ngãi	
152	10	25.02.14.0233	Phạm Đăng	Yên	Nam	28/02/1982	Tỉnh Đồng Tháp	
NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA 24								
153	1	25.02.15.0234	Phạm Thái Tú	Châu	Nữ	18/06/1990	Tỉnh Đồng Tháp	
154	2	25.02.15.0235	Lệnh Tú	Cường	Nam	09/11/1982	Thành phố Hồ Chí Minh	
155	3	25.02.15.0236	Đình Văn	Cường	Nam	12/11/1994	Thanh Hóa	
156	4	25.02.15.0238	Quách Hữu	Dương	Nam	16/10/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
157	5	25.02.15.0246	Phạm Thị Hồng	Liên	Nữ	02/03/1993	Tỉnh Quảng Ngãi	
158	6	25.02.15.0248	Lâm Khánh	Linh	Nữ	22/09/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
159	7	25.02.15.0249	Trương Huỳnh Hồng	Loan	Nữ	09/01/1973	Tiền Giang	
160	8	25.02.15.0250	Nguyễn Trương Bảo	Long	Nữ	12/10/1993	Tỉnh Đồng Nai	
161	9	25.02.15.0253	Võ Thị Phương	Nga	Nữ	01/04/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	
162	10	25.02.15.0254	Nguyễn Đặng Kim	Ngân	Nữ	15/02/1992	Tỉnh Tiền Giang	
163	11	25.02.15.0255	Huỳnh Hữu	Nghĩa	Nam	19/12/1994	Tỉnh Bạc Liêu	
164	12	25.02.15.0256	Nguyễn Thái Đông	Nhi	Nữ	09/11/1993	Thành phố Cần Thơ	
165	13	25.02.15.0258	Đào Duy	Quang	Nam	27/04/1986	Thành phố Hồ Chí Minh	
166	14	25.02.15.0260	Nguyễn Hữu	Tài	Nam	19/04/1980	Tỉnh Phú Yên	
167	15	25.02.15.0261	Trương Thái	Tân	Nam	15/01/1985	Thành phố Đà Nẵng	
168	16	25.02.15.0262	Đặng Trần Công	Thành	Nam	27/11/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
169	17	25.02.15.0263	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	03/08/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
170	18	25.02.15.0269	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	02/05/1981	Thành phố Hồ Chí Minh	
171	19	25.02.15.0271	Lâm Thanh	Trúc	Nữ	11/10/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	
172	20	25.02.15.0273	Trần Quốc	Tường	Nam	06/11/1993	Tỉnh Trà Vinh	
173	21	25.02.15.0274	Nguyễn Ngọc Vi	Vi	Nữ	16/02/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
174	22	25.02.15.0275	Lê Phạm Thảo	Vy	Nữ	06/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
175	23	25.02.15.0276	Võ Tầm	Xuân	Nữ	13/09/1984	Tỉnh Tiền Giang	
176	24	25.02.15.0278	Lê Thị Xuân	Yến	Nữ	16/04/1997	Tỉnh Đồng Tháp	
NGÀNH: TAI – MŨI – HỌNG 10								
177	1	25.02.16.0281	Trịnh Thị Hồng	Chi	Nữ	04/06/1984	Minh Hải	
178	2	25.02.16.0282	Ngô	Hoàng	Nam	31/08/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
179	3	25.02.16.0285	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	01/09/1978	Tỉnh Long An	
180	4	25.02.16.0286	Phạm Thị Thanh	Nga	Nữ	10/10/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	
181	5	25.02.16.0287	Nguyễn Mỹ	Ngọc	Nữ	02/10/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
182	6	25.02.16.0288	Lê Danh	Ngọc	Nam	18/11/1988	Tỉnh Đồng Nai	
183	7	25.02.16.0290	Vũ Đức	Nhân	Nam	03/05/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
184	8	25.02.16.0291	Trần Ngọc	Quỳnh	Nam	27/03/1989	Tỉnh Đắk Lắk	
185	9	25.02.16.0293	Hồ Kim	Thương	Nữ	01/02/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
186	10	25.02.16.0294	Nguyễn Trung	Tinh	Nam	28/05/1994	Tỉnh Vĩnh Long	
NGÀNH: THẦN KINH 4								
187	1	25.02.17.0299	Nguyễn Thị	Lê	Nữ	09/04/1987	Tỉnh Gia Lai	
188	2	25.02.17.0301	Nguyễn Huỳnh Vĩnh	Phước	Nam	09/02/1993	Tỉnh Tây Ninh	
189	3	25.02.17.0302	Vương Chinh	Quyên	Nữ	03/11/1983	Tỉnh An Giang	
190	4	25.02.17.0306	Phan Đình	Văn	Nam	14/05/1985	Tỉnh Tây Ninh	
NGÀNH: TRUYỀN NHIỄM 2								
191	1	25.02.19.0307	Kim	Dung	Nữ	12/03/1975	Tỉnh Bến Tre	
192	2	25.02.19.0308	Trần Văn	Quang	Nam	20/06/1981	Tỉnh Nghệ An	
NGÀNH: UNG BƯỚU 7								
193	1	25.02.20.0309	Đặng Thanh	Hào	Nam	09/11/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
194	2	25.02.20.0311	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	05/09/1978	Thành phố Hải Phòng	
195	3	25.02.20.0312	Trần Thị Minh	Huyền	Nữ	14/02/1989	Tỉnh Tây Ninh	
196	4	25.02.20.0313	Hứa Hoàng Tiến	Lộc	Nam	21/10/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
197	5	25.02.20.0315	Võ Thị Ngọc	Phượng	Nữ	20/12/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
198	6	25.02.20.0316	Tô Kim	Sang	Nam	06/04/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
199	7	25.02.20.0318	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	26/07/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	

Danh sách có 199 thí sinh trúng tuyển./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC



PGS. TS. DS. Nguyễn Đăng Thoại
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH ĐIỀU HÀNH

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025

ĐỐI TƯỢNG: BÁC SĨ NỘI TRÚ

(Kèm Quyết định số 3889...../QĐ-TĐHYKPNT ngày 04... tháng 10... năm 2025
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH			15			
1	1	25.03.01.0001	Huỳnh Quốc	An	Nam	19/02/2001	Tỉnh Bình Định	
2	2	25.03.01.0002	Hồ Ngọc Trâm	Anh	Nữ	23/02/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
3	3	25.03.01.0003	Nguyễn Thanh	Bảo	Nam	25/03/2001	Tỉnh Ninh Thuận	
4	4	25.03.01.0004	Bành Ngân	Châu	Nữ	12/05/2001	Tỉnh Bình Định	
5	5	25.03.01.0005	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	26/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
6	6	25.03.01.0006	Đinh Thụy Bạch	Dương	Nữ	01/08/2001	Tỉnh Bình Định	
7	7	25.03.01.0007	Phạm Lê Minh	Hiền	Nữ	02/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
8	8	25.03.01.0013	Trương Ngọc	Lan	Nữ	15/08/2001	Tỉnh Lâm Đồng	
9	9	25.03.01.0018	Nguyễn Thùy Mỹ	Ngọc	Nữ	20/01/2001	Tỉnh Đắk Lắk	
10	10	25.03.01.0022	Doãn Nguyễn Thanh	Phong	Nam	06/02/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
11	11	25.03.01.0023	Trần Gia	Phụng	Nữ	28/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
12	12	25.03.01.0025	Trương Bình	Phương	Nữ	28/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
13	13	25.03.01.0026	Nguyễn Đỗ	Quyên	Nữ	08/06/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
14	14	25.03.01.0029	Phạm Thanh	Thủy	Nữ	30/06/2001	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
15	15	25.03.01.0036	Dương Thành	Tự	Nam	13/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: DA LIỄU			4			
16	1	25.03.03.0040	Trần Phương	Châu	Nữ	14/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
17	2	25.03.03.0042	Đoàn Công	Hoàng	Nam	17/11/2000	Tỉnh Gia Lai	
18	3	25.03.03.0046	Hồ Ngọc Kim	Ngân	Nữ	31/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
19	4	25.03.03.0052	Lê Thảo	Uyên	Nữ	05/03/2001	Tỉnh Đắk Lắk	
		NGÀNH: NỘI TỔNG QUÁT			17			
20	1	25.03.10.0230	Lê Thụy Vân	Anh	Nữ	05/05/2001	Tỉnh Cà Mau	
21	2	25.03.10.0233	Trần Thiên	Bảo	Nam	20/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
22	3	25.03.10.0234	Lý Huỳnh Gia	Bảo	Nam	30/11/2001	Tỉnh Cà Mau	
23	4	25.03.10.0236	Trần Khánh	Duy	Nam	07/08/2001	Tỉnh Bạc Liêu	
24	5	25.03.10.0238	Vũ Thành	Đạt	Nam	14/11/2001	Tỉnh Lâm Đồng	
25	6	25.03.10.0245	Hồ Từ	Huy	Nam	14/03/2001	Tỉnh Quảng Ngãi	
26	7	25.03.10.0246	Nguyễn Thiên Hoài	Hương	Nữ	30/01/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
27	8	25.03.10.0247	Nguyễn Hoàng Minh	Khôi	Nam	15/08/2001	Tỉnh Lâm Đồng	
28	9	25.03.10.0254	Đặng Hoài	Nam	Nam	20/03/1999	Tỉnh Bình Định	
29	10	25.03.10.0263	Hoàng Tuấn	Phong	Nam	06/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
30	11	25.03.10.0272	Thái Thị Thủy	Tiên	Nữ	19/08/2001	Tỉnh Tiền Giang	
31	12	25.03.10.0273	Nguyễn Hồ	Tiên	Nam	14/07/2001	Tỉnh Đồng Nai	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
32	13	25.03.10.0274	Trần Nguyễn Nhất	Tín	Nam	27/07/2001	Tỉnh Bình Thuận	
33	14	25.03.10.0276	Nguyễn Nguyễn Phú	Trung	Nam	08/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
34	15	25.03.10.0277	Nguyễn Lam	Trưởng	Nam	11/09/2000	Tỉnh Trà Vinh	
35	16	25.03.10.0280	Nguyễn Thế	Tường	Nam	10/04/2001	Tỉnh Trà Vinh	
36	17	25.03.10.0281	Nguyễn Thu	Uyên	Nữ	29/02/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
NGÀNH: NGOẠI TỔNG QUÁT 10								
37	1	25.03.12.0057	Phạm Khắc Tấn	Dũng	Nam	10/05/2001	Tỉnh Thanh Hóa	
38	2	25.03.12.0061	Lê Minh	Hậu	Nam	19/01/2001	Tỉnh An Giang	
39	3	25.03.12.0062	Mạc Phan Công Huy	Hiếu	Nam	04/04/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
40	4	25.03.12.0067	Tạ Gia	Khiêm	Nam	05/03/2001	Tỉnh An Giang	
41	5	25.03.12.0074	Trần Lê	Minh	Nam	15/10/2001	Tỉnh An Giang	
42	6	25.03.12.0080	Nguyễn Huy Quỳnh	Như	Nữ	31/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
43	7	25.03.12.0085	Kiều Anh	Phương	Nam	01/07/2001	Tỉnh Lâm Đồng	
44	8	25.03.12.0086	Nguyễn Minh	Quang	Nam	07/11/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
45	9	25.03.12.0096	Nguyễn Hữu	Thành	Nam	02/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
46	10	25.03.12.0097	Phan Minh	Thắng	Nam	01/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
NGÀNH: NHÂN KHOA 20								
47	1	25.03.08.0112	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	12/04/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
48	2	25.03.08.0114	Trần Hữu Hiếu	Danh	Nam	13/01/2001	Tỉnh Đắk Nông	
49	3	25.03.08.0115	Phạm Việt	Duy	Nam	24/04/2001	Tỉnh Bình Phước	
50	4	25.03.08.0116	Ngô Trần Anh	Duy	Nam	03/03/2001	Tỉnh Ninh Thuận	
51	5	25.03.08.0117	Đỗ Nhật	Hà	Nữ	24/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
52	6	25.03.08.0118	Hồ Thị	Hằng	Nữ	05/11/2001	Tỉnh Kon Tum	
53	7	25.03.08.0120	Huỳnh Minh	Huy	Nam	22/01/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
54	8	25.03.08.0121	Đỗ Xuân	Hương	Nữ	17/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
55	9	25.03.08.0122	Võ Thành	Long	Nam	01/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
56	10	25.03.08.0123	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	13/11/2001	Tỉnh Đắk Lắk	
57	11	25.03.08.0131	Trần Duy	Tân	Nam	14/06/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
58	12	25.03.08.0132	Huỳnh Phạm Thiên	Thanh	Nữ	22/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
59	13	25.03.08.0133	Nguyễn Trọng	Thành	Nam	04/02/2001	Tỉnh Đắk Lắk	
60	14	25.03.08.0134	Võ Trịnh Quốc	Thắng	Nam	29/12/2001	Tỉnh Bình Phước	
61	15	25.03.08.0135	La Thị Anh	Thơ	Nữ	17/05/2001	Tỉnh Bến Tre	
62	16	25.03.08.0137	Hồ Văn	Tinh	Nam	07/01/2001	Tỉnh Đắk Lắk	
63	17	25.03.08.0138	Trần Lê Ngọc	Trâm	Nữ	12/02/2001	Tỉnh Tiền Giang	
64	18	25.03.08.0139	Lý Kim	Trúc	Nữ	15/06/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
65	19	25.03.08.0140	Lê Quốc	Việt	Nam	05/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
66	20	25.03.08.0142	Nguyễn Ngọc Cẩm	Vy	Nữ	21/05/2001	Tỉnh Bình Thuận	
NGÀNH: NHI KHOA 15								
67	1	25.03.09.0151	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	09/11/2001	Tỉnh Đồng Nai	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
68	2	25.03.09.0154	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	Nữ	12/12/2000	Tỉnh An Giang	
69	3	25.03.09.0166	Lê Thành	Hậu	Nam	04/04/2001	Tỉnh Phú Yên	
70	4	25.03.09.0168	Dương Võ Trọng	Hoài	Nam	18/12/2001	Tỉnh Phú Yên	
71	5	25.03.09.0169	Trần Ngọc Khải	Hoàn	Nữ	12/09/2001	Tỉnh Bình Phước	
72	6	25.03.09.0173	Lê Quỳnh	Hương	Nữ	18/06/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
73	7	25.03.09.0174	Phạm Ngọc Lan	Hương	Nữ	30/03/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
74	8	25.03.09.0177	Trần Đăng	Khoa	Nam	09/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
75	9	25.03.09.0178	Võ Hoàng	Khôi	Nam	02/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
76	10	25.03.09.0189	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	Nữ	16/04/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
77	11	25.03.09.0191	Huỳnh Thiện	Nghĩa	Nam	28/04/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
78	12	25.03.09.0199	Trần Như Mỹ	Thanh	Nữ	28/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
79	13	25.03.09.0214	Tạ Tú	Trình	Nữ	10/02/2001	Tỉnh Bạc Liêu	
80	14	25.03.09.0217	Phòng Lê Cẩm	Tú	Nữ	15/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
81	15	25.03.09.0222	Nguyễn Phúc	Văn	Nam	04/04/1999	Tỉnh Quảng Nam	
		NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA 15						
82	1	25.03.15.0291	Nguyễn Minh	Chung	Nam	08/01/2001	Tỉnh Bình Định	
83	2	25.03.15.0293	Phan Anh	Duy	Nam	21/02/2001	Tỉnh Khánh Hòa	
84	3	25.03.15.0294	Lê Hương	Giang	Nữ	30/01/2001	Tỉnh Gia Lai	
85	4	25.03.15.0298	Trần Minh	Hiếu	Nam	16/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
86	5	25.03.15.0316	Nguyễn Hoàng	Nhất	Nam	15/12/2001	Tỉnh Đắk Lắk	
87	6	25.03.15.0317	Trịnh Thị	Ni	Nữ	13/07/2001	Tỉnh Thanh Hóa	
88	7	25.03.15.0319	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	08/07/2001	Tỉnh Lâm Đồng	
89	8	25.03.15.0320	Lê Tiến	Phát	Nam	17/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
90	9	25.03.15.0322	Trần Thị Bích	Phương	Nữ	04/03/2001	Tỉnh Quảng Nam	
91	10	25.03.15.0327	Nguyễn Thanh	Tài	Nam	15/11/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
92	11	25.03.15.0330	Châu Vĩnh	Thái	Nam	02/06/2001	Tỉnh Quảng Ngãi	
93	12	25.03.15.0331	Nguyễn Đỗ Chiến	Thắng	Nam	03/05/2001	Tỉnh Đắk Lắk	
94	13	25.03.15.0333	Lê Đức	Thuận	Nam	10/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
95	14	25.03.15.0338	Tạ Thị Kim	Tiến	Nữ	02/07/2001	Tỉnh Bình Dương	
96	15	25.03.15.0343	Lê Huỳnh Mỹ	Trình	Nữ	10/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: TAI – MŨI – HỌNG 8						
97	1	25.03.16.0356	Hồ Quang	Huy	Nam	13/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
98	2	25.03.16.0359	Bùi Quốc	Khánh	Nam	26/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
99	3	25.03.16.0363	Lưu Thiện	Nhân	Nam	28/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
100	4	25.03.16.0367	Đặng Quỳnh	Phương	Nữ	07/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
101	5	25.03.16.0370	Nguyễn Văn Trường	Son	Nam	03/01/2001	Tỉnh Kiên Giang	
102	6	25.03.16.0371	Nguyễn Hữu	Thành	Nam	06/04/2001	Tỉnh Đắk Lắk	
103	7	25.03.16.0375	Nguyễn Thị Đoan	Trang	Nữ	24/02/2001	Tỉnh Lâm Đồng	
104	8	25.03.16.0377	Trần Hoàng	Yến	Nữ	01/08/2001	Tỉnh Bến Tre	

STT	TT CN	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		NGÀNH: TRUYỀN NHIỄM					
		1					
105	1	25.03.19.0379	Nguyễn Trọng Huy	Nam	20/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: UNG BƯỚU					
		6					
106	1	25.03.20.0386	Dương Vĩ Cường	Nam	21/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
107	2	25.03.20.0391	Nguyễn Phạm Nhật Hào	Nam	24/08/2001	Tỉnh Lâm Đồng	
108	3	25.03.20.0397	Lý Nguyễn Hoàng Mai	Nữ	19/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	
109	4	25.03.20.0399	Bùi Huy Phát	Nam	15/01/2001	Tỉnh Bến Tre	
110	5	25.03.20.0406	Phan Thị Thảo Vân	Nữ	24/05/2001	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
111	6	25.03.20.0407	Lê Tiến Vũ	Nam	19/08/2001	Tỉnh Bình Định	

Danh sách có 111 thí sinh trúng tuyển./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC



PGS. TS. DS. Nguyễn Đăng Thoại
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH ĐIỀU HÀNH